

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

ĐINH THÀNH CÔNG

**XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ SỨC MẠNH
CHO NAM SINH VIÊN CHUYÊN SÂU CẦU LÔNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

BẮC NINH, 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

ĐINH THÀNH CÔNG

**XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ SỨC MẠNH
CHO NAM SINH VIÊN CHUYÊN SÂU CẦU LÔNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Giáo dục thể chất

Mã số: 601 401 03

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Cán bộ hướng dẫn khoa học:

TS. Phạm Xuân Thành

BẮC NINH, 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu trong đề tài là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào.

Tác giả đề tài

Đinh Thành Công

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I. TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	13
1.1. Vị trí vai trò của công tác kiểm tra đánh giá trong công tác giảng dạy và huấn luyện	13
1.1.1. Một số định hướng của Bộ giáo dục đào tạo về công tác kiểm tra đánh giá, cơ sở pháp lý của các hình thức kiểm tra đánh giá cho các trường đại học cao đẳng TĐTT.....	13
1.1.2. Kiểm tra đánh giá trong TĐTT vai trò và ý nghĩa trong công tác giảng dạy và huấn luyện.....	18
1.1.3. Năng lực thực hành môn chuyên sâu bản chất và vai trò của nó với đặc điểm nghề nghiệp của cán bộ, giáo viên thể dục thể thao.....	21
1.1.4. Cơ lý luận đánh giá chất lượng GDTC ở một số trường đại học cao đẳng TĐTT ở Việt Nam	22
1.2. Những định hướng nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên TĐTT.....	33
1.3. Đặc điểm và tác dụng môn Cầu lông.	36
1.3.1. Đặc điểm môn Cầu lông.....	36
1.3.2. Tác dụng của môn cầu lông	37
1.4. Giảng dạy và huấn luyện sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông.....	37
1.5. Cơ sở lý luận của test và lý thuyết đánh giá.	39
1.5.1. Cơ sở lý luận của test.	39
CHƯƠNG II: PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU	43
2.1. Phương pháp nghiên cứu.....	43
2.1.1. Phương pháp đọc và phân tích tài liệu.....	43
2.1.2. Phương pháp phỏng vấn và tọa đàm.....	43
2.1.3. Phương pháp quan sát sự phạm.....	44
2.1.4. Phương pháp kiểm tra sự phạm.....	44
2.1.5. Phương pháp toán học thống kê.....	46
2.2. Tổ chức nghiên cứu.....	47
2.2.1. Thời gian nghiên cứu:	47

2.2.2. Đối tượng nghiên cứu	48
2.2.3. Cơ quan phối hợp nghiên cứu	48
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN.....	49
3.1. Đánh giá thực trạng môn cầu lông - đội ngũ giáo viên và một số căn cứ lựa chọn chỉ tiêu đánh giá kết quả học tập thực hành cũng như trình độ thể lực của sinh viên chuyên sâu Cầu lông trường ĐHSP TĐTT Hà Nội.....	49
3.1.1. Đặc điểm môn cầu lông trong nhà trường ĐHSP TĐTT Hà Nội.....	49
3.1.2. Một số căn cứ lựa chọn chỉ tiêu đánh giá trình độ sức mạnh của nam sinh viên chuyên sâu Cầu lông trường ĐHSP TĐTT Hà Nội.....	54
3.2. Nghiên cứu xác định các test sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam trường ĐHSP TĐTT Hà Nội.....	57
3.2.1. Nghiên cứu xác định tầm quan trọng của sức mạnh trong môn cầu lông	57
3.2.2. Nghiên cứu lựa chọn test đánh giá sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam trường ĐHSP TĐTT Hà Nội	58
3.2.3. Nghiên cứu xác định tính thông báo và độ tin cậy của các test.....	62
3.3. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá SM cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam năm thứ 2 và thứ 3.	65
3.3.1. Xây dựng bảng phân loại sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông năm thứ 2 và năm thứ 3 theo từng test.....	66
3.3.2. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp SM cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam năm thứ 2 và năm thứ 3 trường ĐH sư phạm TĐTT Hà Nội.....	68
3.4. Ứng dụng tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp trong đánh giá thực trạng sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông năm thứ 2 và thứ 3 của trường ĐH sư phạm TĐTT Hà Nội.....	72
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	76
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

cm	: Centimet
ĐH	: Đại học
GDTC	: Giáo dục thể chất
HLTT	: Huấn luyện thể thao
HLV	: Huấn luyện viên
Nxb	: Nhà xuất bản
RLTT	: Rèn luyện thân thể
s	: Giấy
SP	: Sự phạm
SV	: Sinh viên
TDTT	: Thể dục thể thao
VĐV	: Vận động viên

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1. Các nội dung kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn chuyên sâu Cầu lông cho từng học phần.....	50
Bảng 3.2. Kết quả phỏng vấn tầm quan trọng của các tố chất thể lực trong môn cầu lông (n=27)	58
Bảng 3.3. Thực trạng test sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông ở một số đơn vị phía Bắc (n=5).....	59
Bảng 3.4. kết quả phỏng vấn lựa chọn test sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam (n=26)	60
Bảng 3.5. Kết quả xác định mức độ đồng đều sức mạnh của tập mẫu	62
Bảng 3.6. Kết quả các nội dung kiểm tra SM của sinh viên chuyên sâu cầu lông nam năm thứ 2 và thứ 3.....	63
Bảng 3.7. Hệ số tương quan của các nội dung kiểm tra với thành tích thi đấu của sinh viên chuyên sâu cầu lông nam năm thứ 2 và thứ 3	63
Bảng 3.8. Hệ số tương quan qua 2 lần lập test của sinh viên chuyên sâu cầu lông nam năm thứ 2 và thứ 3.....	64
Bảng 3.9. So sánh tiêu chuẩn đánh giá sức mạnh giữa 2 năm.....	65
Bảng 3.10. Tiêu chuẩn phân loại sức mạnh của sinh viên chuyên sâu cầu lông năm thứ 3.....	67
Bảng 3.11. Tiêu chuẩn phân loại sức mạnh của sinh viên chuyên sâu cầu lông năm thứ 2.....	67
Bảng 3.12. Bảng đánh giá sức mạnh của sinh viên chuyên sâu cầu lông năm thứ 3	69
Bảng 3.13. Bảng đánh giá sức mạnh của sinh viên chuyên sâu cầu lông năm thứ 2.....	69
Bảng 3.14. Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp SM của sinh viên chuyên sâu cầu lông nam năm thứ 2 và 3 trường ĐH sư phạm TDTT Hà Nội.....	71
Bảng 3.15. Bảng phân loại tổng hợp SM của sinh viên cầu lông nam trường ĐH sư phạm TDTT Hà Nội.....	72
Bảng 3.16. Bảng phân loại tổng hợp SM của sinh viên cầu lông nam trường ĐH sư phạm Hà Nội	73
Bảng 3.17. Bảng phân loại tổng hợp SM của sinh viên cầu lông nam trường ĐH sư phạm Hà Nội 2	73

PHẦN MỞ ĐẦU

Giáo dục thể chất (GDTC) trong trường học là một mặt giáo dục quan trọng không thể thiếu được trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo, góp phần thực hiện mục tiêu: “Nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài” cho đất nước, để cho mỗi công dân, nhất là thế hệ trẻ có điều kiện “Phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức”. Đáp ứng nhu cầu đòi hỏi ngày càng cao của sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đòi hỏi phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, mà trong đó yếu tố sức khỏe là quan trọng nhất.

Giáo dục thể chất học đường thực sự có vị trí quan trọng trong việc đào tạo thế hệ trẻ phát triển toàn diện, hoàn thiện về nhân cách, trí tuệ và thể chất để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giữ vững và tăng cường an ninh, quốc phòng. Muốn phát triển được phong trào thể dục thể thao của đất nước không thể coi nhẹ vai trò của giáo dục thể chất trong trường học.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương IV khóa VII, Nghị quyết Trung ương II khóa VIII, Nghị quyết Đại hội địa biểu Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ X, đặc biệt là mục tiêu giáo dục toàn diện trong nhà trường, Bộ Giáo dục – Đào tạo đang triển khai cải tiến nội dung, chương trình các môn học, cân đối đội ngũ giáo viên với yêu cầu đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, phù hợp với xu hướng phát triển chung của ngành Giáo dục – Đào tạo. Trong đó yêu cầu về việc đào tạo cán bộ thể dục thể thao là mục tiêu quan trọng cần đặt ra cho ngành Giáo dục và Đào tạo. Trước vấn đề cấp bách đó, các trung tâm TĐTT, các trường Đại học TĐTT trên toàn quốc đã tăng cường công tác bồi dưỡng cán bộ TĐTT. Những năm đầu, việc đào tạo cán bộ TĐTT tuy đã chuẩn bị một cách tương đối đầy đủ về các mặt như: Năng lực chuyên môn, về kỹ năng, kỹ xảo, trình độ thể lực, kỹ thuật, chiến thuật ..., song nhìn chung vẫn chưa đảm bảo yếu tố về mặt chuyên môn một cách toàn diện.

Trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học, triển khai nghiên cứu, ứng dụng khoa học giáo dục về TĐTT chất

lượng cao, là một trong các trường trọng điểm trong hệ thống giáo dục Đại học Việt Nam. Một trong những nhiệm vụ của nhà trường là đào tạo giáo viên GDTC cho các trường trung học phổ thông và các trường chuyên nghiệp trên toàn quốc. Công tác đào tạo giáo viên GDTC là một nhiệm vụ chiến lược hàng đầu đối với việc phát triển của nhà trường: Mở rộng đào tạo giáo viên GDTC, tập trung bồi dưỡng cán bộ TDTT của nhà trường.

Trong những năm qua, Ban giám hiệu nhà trường đã quan tâm rất lớn đến chất lượng đào tạo sinh viên, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh – đánh giá cho sinh viên, với mong muốn là đào tạo ra được các cử nhân sư phạm GDTC không chỉ có phẩm chất, tư tưởng chính trị, đạo đức tốt, mà còn phải có năng lực chuyên môn vững vàng. Chính vì vậy, đổi mới công tác đào tạo cán bộ GDTC, nâng cao chất lượng đào tạo có ý nghĩa to lớn. Công tác này phải được tiến hành thường xuyên và phải thực hiện ngay ở từng môn học trong nhà trường.

Cầu lông là một môn thể thao được phát triển rộng rãi ở nước ta. Môn Cầu lông trong các trường học đang được đưa vào là môn học chính thức và được đông đảo học sinh, sinh viên tham gia tập luyện. Bên cạnh đó, các hoạt động phong trào TDTT ở các địa phương thường xuyên được tổ chức với quy mô ngày càng phát triển, chính vì vậy đòi hỏi người cán bộ phong trào, giáo viên, Huấn luyện viên (HLV) cần phải có một khả năng thực hành về kỹ - chiến thuật tốt mới có thể làm hạt nhân thúc đẩy phong trào phong trào có phát triển chuyên môn.

Qua khảo sát quá trình dạy học kỹ thuật động tác cho sinh viên Cầu lông của bộ môn: Cầu lông trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội trong những năm qua tuy có đổi mới về công tác tuyển sinh, phương pháp giảng dạy, song kết quả đào tạo về trình độ thể lực chuyên môn đặc biệt là tố chất sức mạnh đối với sinh viên chuyên sâu môn Cầu lông chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Trình độ thể lực của sinh viên chuyên sâu trong cùng một khóa cũng như khác khóa chưa

đồng đều. Nhiều sinh viên trước khi kết thúc trương trình đào tạo chuyên sâu môn Cầu lông, trình độ thể lực còn yếu đặc biệt là tố chất sức mạnh. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả đào tạo về kỹ thuật – chiến thuật cơ bản của sinh viên.

Phát triển tố chất thể lực chung và chuyên môn là cơ sở, nền tảng để tiếp thu và nắm vững kỹ thuật Cầu lông, qua đó vận dụng chiến thuật Cầu lông một cách linh hoạt và sáng tạo trong thi đấu. Nói cách khác, việc tiếp thu và vận dụng có hiệu quả kỹ, chiến thuật Cầu lông chỉ có thể thực hiện trên nền tảng thể lực chung và chuyên môn vững chắc.

Mặt khác qua quá trình kiểm tra đánh giá trình độ thể lực chuyên môn của sinh viên chuyên sâu Cầu lông theo từng học kỳ cho thấy, thể lực chuyên môn của các em tương đối tốt, nhưng đặc biệt là tố chất sức mạnh thì chưa được tốt. Điều đó được biểu hiện qua thực tế quan sát các buổi học, buổi tập và thi đấu của sinh viên chuyên sâu Cầu lông, chúng tôi thấy rằng các sinh viên đã bộc lộ nhiều điểm yếu khi thực hiện sức mạnh trong thi đấu và tập luyện môn Cầu lông. Tuy nhiên đó cũng chỉ là ý kiến chủ quan cần được kiểm chứng bằng phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo tính khoa học. Chúng tôi thấy rằng việc tập luyện kết hợp chặt chẽ, đồng bộ với việc kiểm tra đánh giá về kỹ năng, kỹ xảo vận động, các tố chất thể lực của sinh viên luôn là một bộ phận không thể tách rời trong quá trình giảng dạy và tập luyện. Đó là những thông tin quan trọng và cần thiết giúp cho cả giáo viên và sinh viên đánh giá được chất lượng của quá trình tập luyện. Qua đó tìm cách khắc phục những điểm yếu, đồng thời điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo những cử nhân TDTT tương lai.

Qua tìm hiểu thực tế các đề tài đã nghiên cứu ở trong nước chúng tôi thấy có một số dạng đề tài nghiên cứu như: Mai Xuân Trúc (năm 2006); Nguyễn Văn Đức (năm 2006); Ngô Việt Hưng (năm 2007); Đàm Danh phương (2010). và nhiều đề tài nghiên cứu khác. Như vậy đề tài đánh giá về sức mạnh mới chỉ nghiên cứu đối với vận động viên. Còn đánh giá sức mạnh của sinh viên đặc biệt

là sinh viên chuyên sâu Cầu lông trường đại học sư phạm TĐTT Hà Nội là chưa có ai nghiên cứu.

Xuất phát từ những lý do trên chúng tôi mạnh dạn tiến hành đề tài:

“ Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ sức mạnh cho nam sinh viên chuyên sâu Cầu lông trường Đại học sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội”.

Mục đích nghiên cứu:

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn việc nghiên cứu đề tài nhằm tìm ra các test và tiêu chuẩn đánh giá phù hợp, giúp cho việc đánh giá chính xác trình độ sức mạnh cho nam sinh viên chuyên sâu Cầu lông trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội. Trên cơ sở đó giúp cho người giáo viên có được những thông tin cần thiết, nhờ vậy họ có những điều chỉnh kịp thời về nội dung và phương pháp trong quá trình giảng dạy góp phần nâng cao hơn chất lượng đào tạo những giáo viên GDTC.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

Để đạt mục đích nghiên cứu nêu trên, đề tài xác định giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Nhiệm vụ 1: Nghiên cứu lựa chọn các test đánh giá trình độ sức mạnh cho Nam sinh viên chuyên sâu Cầu lông trường Đại học sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội.

Để giải quyết vấn đề 1 đề tài dự kiến giải quyết các vấn đề sau

- thực trạng môn cầu lông - đội ngũ giáo viên và một số căn cứ lựa chọn chỉ tiêu đánh giá kết quả học tập thực hành cũng như trình độ thể lực của sinh viên chuyên sâu Cầu lông trường ĐHSPTĐTT Hà Nội

- Nghiên cứu thực trạng giảng dạy và huấn luyện sức mạnh cho nam sinh viên chuyên sâu Cầu lông trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội.

- Lựa chọn test đánh giá sức mạnh cho Nam sinh viên chuyên sâu Cầu lông trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội.

Nhiệm vụ 2: Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá sức mạnh cho Nam sinh viên chuyên sâu Cầu lông trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội.

Để giải quyết vấn đề 2 đề tài dự kiến giải quyết các vấn đề sau:

- Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá sức mạnh cho Nam sinh viên chuyên sâu Cầu lông trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội.

- Xây dựng tiêu chuẩn phân loại đánh giá sức mạnh cho Nam sinh viên chuyên sâu Cầu lông trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội.

- Xây dựng bảng điểm và bảng điểm tổng hợp đánh giá trình độ sức mạnh cho Nam sinh viên chuyên sâu Cầu lông trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội.

- Kiểm nghiệm và đánh giá hiệu quả bộ tiêu chuẩn đánh giá sức mạnh đã xây dựng của đề tài.

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Vị trí vai trò của công tác kiểm tra đánh giá trong công tác giảng dạy và huấn luyện

1.1.1. Một số định hướng của Bộ giáo dục đào tạo về công tác kiểm tra đánh giá, cơ sở pháp lý của các hình thức kiểm tra đánh giá cho các trường đại học cao đẳng TĐTT

Những năm qua cùng với sự phát triển chung của xã hội, nền giáo dục nước ta cũng có những bước đi mới táo bạo và ngày càng khẳng định được vai trò của mình trong sự phát triển chung của đất nước. Với công tác GDTC cho sinh viên đại học và cao đẳng Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng không ngừng cải tiến về nội dung chương trình làm cho công tác này ngày càng thể hiện rõ hơn tính khoa học, phong phú và đa dạng mà vẫn đảm bảo mục tiêu của GDTC là góp phần xây dựng những lớp người phát triển toàn diện “Cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức”. Đây là những thay đổi có ý nghĩa chiến lược của công tác GDTC trong nhà trường và biến những chủ trương của Đảng và Nhà nước trở thành hiện thực [5].

Thông tư hướng dẫn số 11/TT - GDTC ngày 01/8/1994 về việc hướng dẫn thực hiện Chỉ thị 36/TTg có nói:

Sự thay đổi và cải tiến nội dung chương trình GDTC cũng như việc đề ra các chỉ tiêu đánh giá kết quả học tập cho sinh viên chuyên ngành Sư phạm GDTC là những thành quả lao động quý báu, làm cơ sở đánh giá trình độ sinh viên và là những căn cứ để xác định những cải tiến trong những năm tiếp theo. Tuy nhiên chỉ tiêu đánh giá kết quả học tập của sinh viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chỉ đáp ứng được mục đích yêu cầu của GDTC trong các trường Đại học, Cao đẳng nói chung, đối với các trường Đại học, Cao đẳng chuyên ngành Thể dục thể thao đặc thù là năng khiếu nói riêng chưa có hệ thống chỉ tiêu đánh giá phù hợp với đặc thù của từng trường, từng môn học [3].

Ngày 23 tháng 11 năm 1989, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quyết định 203/QĐ - BGD & ĐT/1989 về đánh giá chất lượng giáo dục thể chất cho sinh viên ở các trường Đại học, quy định chỉ tiêu đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa vào trình độ phát triển thể lực, nhóm sức khỏe, giới tính và nhóm trường. Hình thức kiểm tra đánh giá trong một số trường đại học, cao đẳng TĐTT ở nước ta nói chung được tiến hành đánh giá theo học trình, học phần, dựa theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học và cao đẳng hệ chính quy [32].

Căn cứ nghị định số 29/CP ngày 30/3/1994 của Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo [27].

Căn cứ vào nghị định số 15/CP ngày 2/3/1993 của Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ [26].

Căn cứ Chỉ thị số 30/1998 CT – TTg ngày 01/9/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh chủ trương phân ban ở phổ thông trung học và đào tạo hai giai đoạn ở đại học [9].

Căn cứ vào quy chế đào tạo đại học và cao đẳng của Vụ trưởng Vụ Đại học. (Ban hành kèm theo Quyết định số 04/1999/QĐ – BGD & ĐT ngày 11 tháng 02 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo) [33].

Theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2006/QĐ - BGD & ĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) [4]

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy về tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khóa đào tạo hệ chính quy ở các trình độ đại học và cao đẳng trong các đại học, học viện, trường đại học và trường cao đẳng (sau đây gọi tắt là trường), thực hiện theo học chế mềm dẻo kết hợp niên chế với học phần.

Điều 2. Chương trình giáo dục đại học

1. Chương trình giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện mục tiêu giáo dục đại học; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục đại học, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ đào tạo của giáo dục đại học.

2. Chương trình được các trường xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Mỗi chương trình khung tương ứng với một ngành đào tạo ở một trình độ đào tạo cụ thể.

Mỗi chương trình có thể gắn với một ngành hoặc với một vài ngành đào tạo.

3. Chương trình được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

Điều 3. Học phần và đơn vị học trình

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho người học tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 5 đơn vị học trình, được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã riêng do trường quy định.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Đơn vị học trình được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một đơn vị học trình được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; bằng 30-45 tiết thực hành, thí nghiệm hay thảo luận; bằng 45-90 giờ thực tập tại cơ sở; hoặc bằng 45-60 giờ làm tiểu luận, đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một đơn vị học trình sinh viên phải dành ít nhất 15 giờ chuẩn bị cá nhân. Hiệu trưởng các trường quy định cụ thể số tiết, số giờ đối với từng học phần cho phù hợp với đặc điểm của trường mình.

4. Một tiết học được tính bằng 45 phút.

Điều 10. Đánh giá học phần

1. Các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành:

Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần, điểm thi giữa học phần, điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và phải có trọng số không dưới 50% của điểm học phần. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Các học phần thực hành: sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Trung bình cộng điểm của các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến phần nguyên là điểm học phần loại này.

3. Giảng viên trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

Điều 11. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần.

1. Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho sinh viên không tham dự kỳ thi chính

hoặc có điểm học phần dưới 5 sau kỳ thi chính. Kỳ thi phụ được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số đơn vị học trình của học phần đó và được tính ít nhất nửa ngày cho mỗi đơn vị học trình. Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi.

Điều 12. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, số lần được dự thi kết thúc học phần:

1. Đề thi phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập

Điều 13. Cách tính điểm kiểm tra, điểm thi, điểm trung bình chung và xếp loại kết quả học tập

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phân nguyên.

2. Điểm trung bình chung học tập:

a) Công thức tính điểm trung bình chung học tập như sau:

$$\sum ai.$$

$$A = \frac{\sum ni}{N}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học tập hoặc điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khóa học

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số đơn vị học trình của học phần thứ i

N là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học tập của mỗi học kỳ, mỗi năm học, mỗi khoá học và điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khoá học được tính đến hai chữ số thập phân.

b) Kết quả các học phần giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất và kết quả kỳ thi tốt nghiệp đối với các môn khoa học Mác- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh không tính vào điểm trung bình chung học tập của học kỳ, năm học hay khoá học.

Việc đánh giá kết quả và điều kiện cấp chứng chỉ đối với các học phần này theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Các điểm trung bình chung học tập để xét thôi học, ngừng tiến độ học, được học tiếp, để xét tốt nghiệp và điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khoá học được tính theo điểm cao nhất trong các lần thi.

3. Xếp loại kết quả học tập:

a) Loại đạt:

Từ 9 đến 10: Xuất sắc

Từ 8 đến cận 9: Giỏi

Từ 7 đến cận 8: Khá

Từ 6 đến cận 7: Trung bình khá

Từ 5 đến cận 6: Trung bình

b) Loại không đạt:

Từ 4 đến cận 5: Yếu

Dưới 4: Kém

1.1.2. Kiểm tra đánh giá trong TDTT vai trò và ý nghĩa trong công tác giảng dạy và huấn luyện

Quá trình sư phạm là một quá trình khép kín có tổ chức chặt chẽ, nghĩa là nó mang đầy đủ những nét đặc trưng cơ bản của quá trình giảng dạy, giáo dục và tự giáo dục.

Cụ thể hơn thì quá trình sư phạm là một phức hợp gồm các thành tố như hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của sinh viên, nhờ ảnh hưởng trực tiếp của các nhân tố ngoài tác động làm tăng hiệu quả của quá trình dạy học. Khi nói đến quá trình giảng dạy tức là nói đến tất cả các mặt của quá trình đào tạo để làm cho người học có thể đạt được những trình độ nhất định. Đó là một trong những cơ sở quan trọng nhất của công tác giảng dạy và kiểm tra đánh giá. Kiểm tra đánh giá là khâu cuối cùng của quá trình đào tạo nhằm đánh giá hiệu quả của quá trình đào tạo, đánh giá đúng, chính xác giúp người học biết được trình độ thực tế của mình, động viên khuyến khích người học tích cực hơn trong các quá trình tiếp theo nhằm đạt được kết quả cao hơn hoặc biết mình đang yếu kém mà nỗ lực vươn lên. Đồng thời, việc kiểm tra đánh giá chính xác cũng tạo ra không khí học tập thi đua sôi nổi góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo. Việc kiểm tra đánh giá không chỉ căn cứ vào nội dung chương trình học mà còn phải căn cứ vào đối tượng và các điều kiện khác của quá trình đào tạo. Như vậy kiểm tra đánh giá không chỉ ghi lại hiệu quả quá trình giảng dạy học tập mà nếu làm tốt nó còn giúp nâng cao hiệu quả quá trình này.

Theo tác giả Ngô Đình Qua thì kiểm tra được hiểu theo nghĩa rộng kiểm lại soát lại một cái gì đó mà trong lĩnh vực giáo dục thì đó là kiểm tra các mối liên hệ ngược bên ngoài (của người thầy) và bên trong (tự kiểm tra của học sinh). Còn theo tài liệu của trung tâm đảm bảo chất lượng và nghiên cứu phát triển giáo dục Đại học quốc gia Hà Nội thì kiểm tra - đánh giá là 2 công việc có thứ tự hoặc đan xen nhằm miêu tả và tập hợp những bằng chứng về thành tích học tập của sinh viên.

Để kiểm tra đánh giá ở bậc đại học người ta sử dụng một công cụ chung đó là Test. Cũng theo tài liệu của trung tâm đảm bảo chất lượng và nghiên cứu phát triển giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội thì Test là sự xây dựng một cấu trúc quan sát nhằm đánh giá trong quá trình qua những vấn đề cần giải quyết... Trong lĩnh vực TĐTT, Test được coi là sự đo lường hoặc thử nghiệm, được tiến hành nhằm mục đích xác định trạng thái hoặc năng lực VĐV.

Đo lường theo khái niệm chung thì đó là sự xác định một số việc hay một số đặc tính được nêu bằng số lượng cụ thể trên cơ sở chung về nguyên tắc là phải phù hợp với những quy tắc mà đánh giá, còn đo lường giáo dục là phân loại để quan sát các hành vi và công việc của sinh viên. Hay nói cụ thể hơn đo lường giáo dục là biện pháp kỹ thuật quan trọng để tiến hành kiểm tra việc giảng dạy, học tập trong các trường đại học nói chung. Kết quả thu được sẽ được phân loại thông qua việc đánh giá theo các cấp độ khác nhau. Đánh giá là quá trình làm cho rõ mức độ thích hợp của đối tượng đánh giá so với mục tiêu [8].

Kiểm tra đánh giá trong thể thao hiện đại ở các môn thể thao mang tính chu kỳ chúng ta đã quen thuộc với các thành tích trong đo lường bằng đơn vị thời gian như giờ, phút, giây trên cơ sở các cự ly tập luyện và thi đấu khác nhau được quy định. Với các môn ném, đẩy, nhảy thành tích của VĐV lại được đo bằng các đơn vị đo chiều dài như mét, centimet. Trong cử tạ lại được sử dụng đơn vị đo lường bằng Kilogram.v.v... Bằng các đại lượng đo lường trên, cùng với những quy định ngày càng chặt chẽ về phương pháp và sự phát triển của các phương tiện đo đặc hiện đại đã cho phép chúng ta đánh giá một cách khách quan hơn thành tích của VĐV cùng những khả năng mà con người đạt tới trong lĩnh vực TDTT [39].

Tuy nhiên những đại lượng đo lường trên vẫn không thể cho phép đánh giá hết thành tích của các môn thể thao mà ngày nay con người đang tập luyện. Bởi vậy với một số môn thể thao khác nhau người ta đã đưa ra các phương pháp đo lường khác nhau để xác định thành tích của môn thể thao đó. Ví dụ: Với các môn thể dục, thể dục nghệ thuật, trượt băng nghệ thuật, các môn đối kháng như võ, đấu kiếm, quyền anh..v.v... người ta đánh giá thành tích của VĐV bằng cách cho điểm trên cơ sở các động tác mà VĐV thực hiện trong cuộc thi. Mặc dù phương pháp này còn mang nhiều tính chất chủ quan của cá nhân người đánh giá, song với những quy định chặt chẽ về phương thức cho điểm, kết cấu động tác, độ khó và tính nghệ thuật của các bài thi cùng với kinh nghiệm và trình độ của người đánh giá (không được phép chỉ dựa vào đánh giá của một cá nhân) mà việc xác định kết quả thành tích của VĐV được chính xác hơn.

Mặc dù vậy cho đến nay vẫn còn một số môn thể thao đối kháng mà để đánh giá năng lực, trình độ của mỗi VĐV hoặc của tập thể VĐV, người ta vẫn phải căn cứ chủ yếu vào thành tích thi đấu của chính các VĐV đó. Đó chính là nhóm các môn bóng như: bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ...v.v.. Với các môn thể thao này tiêu chuẩn để đánh giá trình độ cá nhân hoặc tập thể phải dựa trên thành tích thi đấu hàng loạt trận của họ để xếp hạng. Việc xếp hạng tùy theo quy định của mỗi quốc gia, có thể là hạng nhất, hạng nhì hoặc hạng A, B..v.v. hoặc cách phân cấp VĐV như: kiện tướng, đại kiện tướng cấp 1, cấp 2, cấp 3..v.v [19], [23].

Trên đây luận văn mới chỉ đề cập nhiều đến vấn đề kiểm tra – đánh giá trình độ VĐV chủ yếu là thông qua thi đấu. Còn quá trình giảng dạy và huấn luyện thể thao thì công tác kiểm tra thường xuyên, định kỳ được tiến hành như thế nào?. Đó là vấn đề chúng ta cần quan tâm hơn trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này. Aulic đã nghiên cứu kỹ vấn đề này trong cuốn “Đánh giá trình độ tập luyện thể thao”. Trong lĩnh vực tuyển chọn VĐV Voonkop và Philin cũng cho ra cuốn “Tuyển chọn thể thao” nhằm kiểm tra, đánh giá xác định “đầu vào” trong các môn thể thao. Một số tác giả trong nước cũng đưa ra lý thuyết về đo lường thể thao làm cơ sở để đánh giá quá trình giảng dạy và huấn luyện thể thao, như Dương Nghiệp Chí, 1991 ; Lê Văn Lãm...[8].

Những tài liệu trên đã đề cập rất nhiều về mặt lý thuyết của công tác kiểm tra đánh giá trên cơ sở xây dựng các Test để xác định năng lực, trình độ thể thao của người tập qua mỗi giai đoạn. Từ những cơ sở lý thuyết của đo lường thể thao mà ngày nay hầu hết các môn thể thao đã và đang dần hoàn thiện hệ thống kiểm tra – đánh giá của mình trong công tác giảng dạy và huấn luyện, xu hướng lượng hóa các chỉ tiêu trong kiểm tra đối với người tập cũng đang được phát triển nhằm đảm bảo cho quá trình đánh giá đạt được ở mức độ khách quan và tin cậy nhất.

1.1.3. Năng lực thực hành môn chuyên sâu bản chất và vai trò của nó với đặc điểm nghề nghiệp của cán bộ, giáo viên thể dục thể thao.

Kết quả học tập thực hành môn chuyên sâu của sinh viên các trường đại học và cao đẳng chuyên ngành về TDTT nói chung và trường ĐHSP TDTT nói

riêng thực chất là đánh giá năng lực thực hành môn chuyên sâu của sinh viên. Nó biểu hiện thông qua tổng hợp những năng lực về kỹ chiến thuật, tố chất thể lực và tâm lý của từng môn thể thao cụ thể. Nói một cách khác thì kết quả học tập thực hành môn chuyên sâu của sinh viên các trường đại học và cao đẳng về TDTT chính là một dạng của trình độ tập luyện của sinh viên.

Như vậy, việc nghiên cứu lựa chọn nội dung và xây dựng tiêu chuẩn đánh sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu Cầu lông nam trường ĐHSP TDTT Hà Nội chính là xây dựng nội dung tiêu chuẩn để đánh giá trình độ tập luyện môn chuyên sâu cho sinh viên. Luận văn sẽ tìm hiểu rõ hơn về trình độ tập luyện và những vấn đề liên quan ở những phần tiếp theo.

Để có thể đào tạo ra các sinh viên có trình độ chuyên môn tốt ngoài công tác giảng dạy thì việc kiểm tra đánh giá là vô cùng quan trọng góp phần không nhỏ vào kết quả quá trình đào tạo.

Với mong muốn thực hiện một quá trình đào tạo có hiệu quả cao trong những năm gần đây trường ĐHSP TDTT Hà Nội nói chung và môn Cầu lông nói riêng đã tích cực đổi mới hoàn thiện nội dung chương trình giảng dạy. Bên cạnh đó, việc đổi mới công tác kiểm tra đánh giá đúng với năng lực chuyên môn của sinh viên trong môn chuyên sâu cầu lông là không thể thiếu và giữ vai trò rất quan trọng trong quá trình giáo dục và cần có được sự quan tâm thích đáng.

1.1.4. Cơ lý luận đánh giá chất lượng GDTC ở một số trường đại học cao đẳng TDTT ở Việt Nam

GDTC là một trong những mục tiêu giáo dục toàn diện của Đảng và Nhà nước ta, nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân. GDTC được biểu hiện là : “ Quá trình sư phạm nhằm giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ, hoàn thiện về thể chất và nhân cách, nâng cao khả năng làm việc, và kéo dài tuổi thọ của con người ”.

GDTC là một loại hình giáo dục, nên nó là một quá trình giáo dục có tổ chức, có mục đích, có tính kế hoạch để truyền thụ những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo từ thế hệ này sang thế hệ khác. Điều đó có nghĩa là, GDTC cũng như các loại hình giáo dục khác, là quá trình sư phạm với đầy đủ đặc điểm của nó, có vai

trò chủ đạo của nhà sư phạm, tổ chức hoạt động của nhà sư phạm phù hợp với học sinh với nguyên tắc sư phạm. GDTC chia thành hai mặt tương đối độc lập : dạy học động tác (giáo dưỡng thể chất) và giáo dục tố chất thể lực. Trong hệ thống giáo dục, nội dung đặc trưng của GDTC được gắn liền với giáo dục, trí dục, đức dục, mỹ dục và giáo dục lao động.

Nội dung chương trình GDTC trong các trường đại học được tiến hành trong quá trình học tập của sinh viên trong nhà trường bằng các hình thức :

- Giờ học chính khoá : là hình thức cơ bản nhất của GDTC được tiến hành trong kế hoạch học tập của nhà trường. Vì việc đào tạo cơ bản về thể chất, thể thao cho học sinh, sinh viên là nhiệm vụ cần thiết, nên trước hết phải có nội dung thích hợp để phát triển các tố chất thể lực và phối hợp vận động cho học sinh, sinh viên. Đồng thời giúp cho các em có trình độ nhất định để tiếp thu được các kỹ thuật động tác TDDT.

Giờ học ngoại khoá - tự tập luyện TDDT ngoại khoá : là quá trình tập luyện của bộ phận sinh viên có nhu cầu và ham thích trong khi nhàn rỗi với mục đích phát triển năng lực thể chất một cách toàn diện, đồng thời nâng cao thành tích thể thao cho học sinh, sinh viên. Giờ học ngoại khoá nhằm củng cố và hoàn thiện các bài học chính khoá và được tiến hành vào giờ tự học của học sinh, sinh viên dưới sự hướng dẫn của giáo viên TDDT hay hướng dẫn viên. Ngoài ra còn các hoạt động thể thao quần chúng ngoài giờ học bao gồm : luyện tập trong câu lạc bộ, các đội đại biểu từng môn thể thao, các bài tập thể dục vệ sinh chống mệt mỏi hàng ngày, cũng như giờ tự tập luyện của học sinh sinh viên, phong trào tự tập luyện rèn luyện thể lực.

Hoạt động ngoại khoá với chức năng là động viên lôi kéo nhiều người tham gia tập luyện các môn thể thao yêu thích, rèn luyện thể lực, cổ vũ phong trào, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp.

Chương trình GDTC trong các trường đại học nói chung và đặc biệt các trường TDDT nói riêng, nhằm giải quyết các nhiệm vụ sau đây.

Giáo dục đạo đức XHCN, rèn luyện tinh thần tập thể, ý thức tổ chức kỷ luật, xây dựng niềm tin, lối sống tích cực lành mạnh, tinh thần tự giác học tập và rèn luyện thể lực, chuẩn bị sẵn sàng phục vụ sản xuất và bảo vệ Tổ quốc.

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về nội dung và phương pháp tập luyện TDTT, kỹ năng vận động và kỹ thuật cơ bản một số môn thể thao thích hợp. Trên cơ sở đó, bồi dưỡng khả năng các phương tiện nói trên để tự rèn luyện thể lực, tham gia tích cực vào việc tuyên truyền và tổ chức các hoạt động TDTT ở cấp cơ sở.

Góp phần duy trì và củng cố sức khỏe của sinh viên, phát triển cơ thể một cách hài hòa, xây dựng thói quen lành mạnh và khắc phục những thói quen xấu trong cuộc sống nhằm đạt hiệu quả tốt trong quá trình học tập và đạt những chỉ tiêu thể lực cho từng đối tượng trong từng năm học trên cơ sở tiêu chuẩn rèn luyện theo lứa tuổi.

Giáo dục óc thẩm mỹ cho sinh viên và tạo điều kiện để nâng cao trình độ thể thao của VĐV, sinh viên.

Căn cứ vào những cơ sở lý luận để đánh giá chất lượng giáo dục nói chung và mục đích yêu cầu chương trình GDTC nói riêng theo quyết định số 203/QĐ – BGD & ĐT ngày 23/1/1989 về việc đánh giá chất lượng GDTC sinh viên được tiến hành theo các nội dung sau :

Kiến thức lý luận GDTC được quy định theo chương trình

Kỹ năng thực hiện kỹ thuật các môn thể thao

Thực hiện các nội dung thể lực theo tiêu chuẩn RLTT [32].

Kiến thức GDTC có ý nghĩa rất quan trọng trong việc tiếp thu kỹ năng, kỹ xảo vận động. Theo Matveev : “Kiến thức là tiền đề cho việc tiếp thu các kỹ năng, kỹ xảo vận động và sử dụng một cách có hiệu quả các năng lực thể chất trong cuộc sống. Kiến thức chỉ rõ ý nghĩa cá nhân và ý nghĩa xã hội của GDTC cũng như bản chất của quá trình giáo dục này. Các kiến thức cho phép sử dụng các giá trị của TDTT với mục đích tự giáo dục ” [22].

Kiến thức về GDTC giúp cho việc lựa chọn và sử dụng có hiệu quả các bài tập thể chất, vì cùng một bài tập nhưng hiệu quả hoàn toàn khác nhau khi sử dụng các phương pháp khác nhau.

Từ những đánh giá về khoa học lý luận GDTC cũng như tầm quan trọng của việc giáo dục nhận thức cho sinh viên, các tác giả Vũ Đức Thu, Lưu Quang Hiệp, Nguyễn Xuân Sinh, Trương Anh Tuấn đã đề cập một cách có hệ thống những tri thức cơ bản theo chương trình giáo dục thể chất đã được cải tiến nhằm giúp cho giáo viên và sinh viên trong quá trình giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá chất lượng GDTC [15], [20], [42].

Kỹ năng, kỹ xảo vận động là những cơ cấu chức năng nhất định xuất hiện trong quá trình tập luyện và là do kết quả tiếp thu động tác.

Kỹ năng vận động thể hiện tiêu biểu bằng sự tiếp thu kỹ thuật động tác ở mức độ phải tập trung chú ý cao độ vào các bộ phận tạo thành động tác và ở các cách thức chưa ổn định khi giải quyết nhiệm vụ vận động.

Như vậy, khả năng thực hành được hiểu như ở mức độ đánh giá nhất định (kỹ năng hoặc kỹ xảo) thực hiện các động tác kỹ thuật. Khả năng thực hành phụ thuộc vào nhiều yếu tố: Trình độ của sinh viên, điều kiện học tập trang thiết bị, dụng cụ sân bãi và chế độ học tập, phong trào TDTT quần chúng trong sinh viên... cũng như nhận thức của sinh viên về giáo dục thể chất, sử dụng và chuyển hoá các bài tập thể chất để rèn luyện và củng cố sức khoẻ.

Các tiêu chuẩn được xác định dựa trên nguyên tắc và cơ sở khoa học GDTC, mức độ đánh giá các thành viên trong xã hội thực hiện các tiêu chuẩn này được xác định theo lứa tuổi, giới tính và năm học. Nội dung và yêu cầu của tiêu chuẩn phụ thuộc vào hệ thống GDTC của mỗi quốc gia nói chung và các đặc thù ở mỗi trường nói riêng. Để từng bước đẩy mạnh và nâng cao chất lượng GDTC theo tinh thần Chỉ thị 96 CT/TW, Nghị quyết TW 2 khoá VIII, chỉ thị 133/TTg của Thủ tướng Chính phủ [40].

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành tổng kết rút kinh nghiệm và tập trung chỉ đạo các trường đại học, cao đẳng tổ chức giảng dạy và học tập đảm

bảo các quy phạm đánh giá kiểm tra chất lượng GDTC thường kỳ, theo từng đơn vị học trình, học phần.

Như vậy, từ việc phân tích những cơ sở lý luận về đánh giá chất lượng giáo dục nói chung và GDTC nói riêng, được tiến hành theo các nội dung, yêu cầu và các hình thức cụ thể của từng trường với đặc thù riêng biệt của nó.

1.2. Các quan điểm trong và ngoài nước về đánh giá trình độ tập luyện của VĐV trong TDTT.

1.2.1. Các quan điểm về đánh giá trình độ tập luyện của VĐV trong các môn thể thao.

Trong quá trình huấn luyện thể thao hiện nay, vấn đề đánh giá trình độ tập luyện của VĐV các cấp theo lứa tuổi, giới tính và môn thể thao chuyên sâu khác nhau có ý nghĩa rất lớn đối với thực tiễn và lý luận, đặc biệt trong tuyển chọn và đào tạo VĐV. Việc đánh giá trình độ tập luyện của VĐV được tiến hành bằng các phương pháp khách quan sẽ giúp cho HLV có thể nắm bắt được những thông tin cần thiết để điều khiển quá trình huấn luyện. Thông qua việc đánh giá trình độ tập luyện một cách khoa học và hệ thống đối với các môn thể thao cho phép nâng cao hiệu quả của công tác tuyển chọn và đào tạo VĐV.

Vậy thế nào là trình độ tập luyện? Khái niệm này được trình bày trong các công trình nghiên cứu về trình độ tập luyện, sách, tạp chí, thông tin chuyên ngành khoa học TDTT trong và ngoài nước xác định dưới những góc độ và khía cạnh khác nhau.

Chỉ số cơ bản của trình độ tập luyện đó là thành tích thể thao. Thành tích thể thao cao của VĐV chỉ có thể đạt được sau nhiều năm tập luyện một cách khoa học, bền bỉ và công phu. Hơn nữa thành tích thể thao cao chỉ đạt được trong một giai đoạn ngắn (trạng thái sung sức thể thao) trong mỗi chu kỳ tập luyện. Thành tích thể thao luôn là hiện tượng đa nhân tố và phụ thuộc vào nhiều nguyên nhân khác nhau. Trong những điều kiện như nhau, thành tích thể thao của mỗi cá thể phụ thuộc vào năng khiếu và mức độ đào tạo của VĐV. Năng

khiếu của VĐV là tiền định, còn trình độ đào tạo thì luôn thay đổi nhờ kết quả của tập luyện. Khái niệm trình độ tập luyện và thành tích thể thao không đồng nhất. Khái niệm hay định nghĩa về trình độ tập luyện trong các sách báo hiện đại có những cách thể hiện và nhìn nhận còn khác nhau.

Trong tác phẩm “Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất” của Novicov A.Đ và Matveev L.P có đưa ra khái niệm “Trình độ tập luyện thường liên quan phần lớn đến những thay đổi thích ứng sinh học (hình thái và chức năng) xảy ra trong cơ thể VĐV dưới những tác động của lượng vận động tập luyện và những thay đổi đó biểu hiện ở sự phát triển năng lực hoạt động của VĐV” [21], [25].

Như vậy, trong khái niệm này không đề cập đến một trong những yếu tố cơ bản của trình độ tập luyện đó là thành tích thể thao. Theo quan điểm của các tác giả điểm quan trọng nhất của trình độ tập luyện đó là mức độ thích ứng của cơ thể đối với một nhiệm vụ cụ thể đạt được bằng con đường tập luyện.

Theo quan điểm của tiến sĩ Dietrich Harre thì trình độ tập luyện của VĐV thể hiện ở sự nâng cao năng lực thể thao nhờ ảnh hưởng của lượng vận động tập luyện, lượng vận động thi đấu và các biện pháp hỗ trợ khác. Các yếu tố của năng lực thể thao bao gồm các năng lực thể chất, năng lực phối hợp vận động, năng lực trí tuệ, kỹ xảo kỹ thuật, năng lực chiến thuật và các phẩm chất tâm lý [14]. Thông qua lượng vận động tập luyện, lượng vận động thi đấu, lượng vận động tâm lý trình độ từng yếu tố của năng lực một mặt được nâng cao, mặt khác giữa chúng cũng hình thành các mối quan hệ bền vững. Bên cạnh đó năng lực phát huy đầy đủ các tiềm năng thể chất của VĐV thông qua sự nỗ lực ý chí ở mức cao nhất cũng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Năng lực thể thao cao nhất mà VĐV đạt được trong từng thời kỳ thi đấu phù hợp với trình độ tập luyện của họ được gọi là trạng thái sung sức thể thao. Theo Tiến sĩ Dietrich Harre các thông tin về trình độ tập luyện của VĐV được thể hiện ở các cuộc thi đấu và kiểm tra thành tích. Các tiêu chuẩn cơ bản có thể sử dụng trong việc đánh giá trình độ tập luyện và dự báo tiềm năng phát triển của VĐV, đó là:

Tiêu chuẩn về trình độ của thành tích.

Tiêu chuẩn về nhịp độ phát triển của thành tích.

Tiêu chuẩn về dự ổn định thành tích và khả năng tăng trưởng.

Tiêu chuẩn về khả năng chịu đựng lượng vận động.

Bốn tiêu chuẩn trên thể hiện 4 mặt khác nhau của việc đánh giá tổng hợp năng lực thể thao.

Theo tác giả Nabanhicova N.Ia đã đề cập đến việc nghiên cứu trình độ tập luyện một cách sâu rộng thông qua việc mô hình hoá các mặt khác của thành tích thể thao, các chỉ số của mô hình được soạn thảo đối với cả những VĐV trẻ (cụ thể hoá tiêu chuẩn một số môn thể thao) đã cho phép xác định đúng đắn hơn phương pháp giảng dạy huấn luyện, do đó mà nâng cao hiệu quả của công tác tuyển chọn và đào tạo trong các trường thể thao thiếu niên và nhi đồng. Trong tác phẩm của mình giáo sư còn trình bày 10 nguyên tắc có tính chất chỉ đạo trong việc tiến hành kiểm tra tổng hợp sự phạm và y sinh đối với việc đánh giá trình độ tập luyện cho VĐV trẻ [25].

Theo quan điểm của Aulic I.V trong tác phẩm “đánh giá trình độ tập luyện thể thao” thì đánh giá trình độ tập luyện không phải là mục đích tự thân, là nhiệm vụ hàng thứ 2. Nó như là một phương tiện kiểm tra cần phải có để phục vụ cho các vấn đề chính đó là phương pháp tập luyện tạo điều kiện đạt được những thành tích thể thao cao. Tuy nhiên, khi phân tích khái niệm về trình độ tập luyện ông cho rằng có một yếu tố cơ bản của trình độ tập luyện không được Novicov mà Metveev nói tới, đó là thành tích thể thao. Vì thế ông coi “trình độ tập luyện là năng lực tiềm tàng của VĐV, để đạt được những thành tích nhất định trong môn thể thao lựa chọn và năng lực này được thể hiện cụ thể ở mức chuẩn bị về kỹ thuật, chiến thuật, thể lực, đạo đức ý chí và trí tuệ. Trình độ tập luyện càng cao thì VĐV càng có thể làm trọn được một nhiệm vụ nhất định với hiệu quả mỹ mãn hơn [1], [22].

Theo lý luận được nhiều người thừa nhận, người ta phân biệt trình độ tập luyện chung và trình độ tập luyện chuyên môn. Các chỉ số về trình độ tập luyện chung của VĐV có thể biểu thị một cách độc lập với hình thức hoạt động của nó. Để thực hiện điều này, người ta chủ yếu phân tích các kết quả thử nghiệm, gọi là các thử nghiệm chức năng, chúng phản ánh trạng thái của hệ thần kinh - cơ, tuần hoàn - hô hấp, nội tiết... Các chỉ số này ở VĐV các môn thể thao khác thì khác nhau. Ví dụ như những chỉ số về trình độ tập luyện chung của các VĐV cử tạ và VĐV thể dục có cùng đẳng cấp thường bị đánh giá thấp hơn so với những chỉ số ấy của các VĐV chạy cự ly dài hay đua xe đạp. Song sự đánh giá như vậy không hoàn toàn khách quan, đặc biệt là trong những trường hợp họ là những người đạt kỷ lục mới hay nhà vô địch [28].

Theo ý kiến của nhiều chuyên gia, có thể tránh được những mâu thuẫn này, nếu không dùng khái niệm trình độ tập luyện chung. Thật vậy khi so sánh VĐV ở các môn thể thao khác nhau như các VĐV chạy cự ly dài và các VĐV cử tạ khó có thể tìm được ở họ những điểm chung về thể hình, về các tổ chất thể lực, về mức độ hoạt động chức năng của hệ thực vật. Do đó thay cho thuật ngữ “trình độ tập luyện chung” đúng hơn là dùng thuật ngữ “trình độ thể lực” hay “năng lực hoạt động thể lực”. “Trình độ thể lực biểu thị tình trạng chức năng của cơ thể và đặc biệt nó thể hiện ở các tổ chất thể lực: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, khéo léo và mềm dẻo, đồng thời còn thể hiện ở sự phối hợp thần kinh cơ” [24].

Hoạt động thể lực của VĐV cụ thể là việc thực hiện một bài tập nhất định, làm cho cơ thể thích ứng một cách trực tiếp với dạng của lượng vận động đã cho. Một số môn thể thao ảnh hưởng đặc biệt đến mức độ phát triển thể lực của con người, một số môn khác lại mở rộng khả năng của hệ thống tim - mạch và hô hấp, một số môn khác nữa lại phát triển các tổ chất tâm lý nhiều hơn. Do vậy, khái niệm “Trình độ tập luyện chuyên môn” cũng không nên dùng vì trình độ tập luyện bao giờ cũng là trình độ tập luyện chuyên môn. Vì vậy, theo I.V Aulic thì chỉ nên dùng “trình độ thể lực” mà không nói “trình độ tập luyện chung” và dùng “trình độ tập luyện” mà không nói “trình độ tập luyện chuyên môn”. [1]

Giữa trình độ thể lực và trình độ tập luyện có mối liên hệ gì ? Trình độ tập luyện cao có luôn thể hiện năng lực hoạt động cao không và ngược lại? Thì ra điều đó phụ thuộc vào hình thức hoạt động thể lực, tức là vào môn thể thao. Trạng thái của hệ vận chuyển oxy được coi là chỉ số cơ bản của năng lực hoạt động, trạng thái đó được đặc trưng bởi, ví dụ như mức tiêu thụ oxy tối đa (VO_2 max). Ở những môn thể thao có chu kỳ mà sức bền là tố chất trội nhất, thì thành tích của VĐV phụ thuộc trực tiếp vào khả năng tiêu thụ O_2 của cơ thể. Ở đây “trình độ tập luyện phụ thuộc vào trình độ thể lực. Trong trường hợp này khái niệm “trình độ tập luyện” và “trình độ thể lực” hầu như trùng nhau. Còn trong môn bóng chày hay thể dục dụng cụ, mà ở đây thành tích của VĐV về cơ bản là do hoàn thiện kỹ thuật và do sự phối hợp các động tác, thì ý nghĩa của hệ vận chuyển oxy không lớn và những chỉ số thông thường của trình độ thể lực không cho ý niệm đầy đủ về trình độ tập luyện của VĐV [6], [17].

Theo quan điểm của tác giả Phạm Danh Tôn:

Trong lý luận cũng như trong đào tạo VĐV người ta còn thường gặp các khái niệm như trình độ đào tạo và trình độ tập luyện. Nói đến trình độ đào tạo là nhằm chỉ tất cả các mặt đào tạo để làm cho VĐV có thể đạt được những thành tích thể thao kế tiếp nhau. Trình độ đào tạo bao gồm trình độ đào tạo về thể lực, kỹ thuật, chiến thuật thể thao, tâm lý và cả lý luận nhất định của VĐV. Trình độ đào tạo thể lực còn gọi là trình độ thể lực. Trình độ thể lực là mức độ phát triển về sức mạnh, sức nhanh, sức bền, mềm dẻo và các tố chất thể lực khác của VĐV. Trình độ đào tạo kỹ thuật và chiến thuật thể thao là trình độ điều luyện về những mặt ấy của VĐV. Trình độ đào tạo tâm lý là sự vững vàng, nhạy bén về tinh thần và ý thức ... đáp ứng yêu cầu đạt thành tích thể thao cao. [44]

Khái niệm trình độ thể lực, chủ yếu nói tới những biến đổi thích nghi về mặt sinh học (chức năng và hình thái) diễn ra trong cơ thể VĐV dưới tác động của tập luyện và biểu hiện ở năng lực hoạt động cao hoặc thấp.

Theo quan điểm của tác giả Lê Văn Lãm và cộng sự:

Trình độ tập luyện của VĐV đó là kết quả tổng hợp của việc giải quyết các nhiệm vụ trong thực tiễn huấn luyện thể thao. Trình độ tập luyện thể hiện ở mức độ nâng cao chức phận cơ thể, năng lực hoạt động chung và chuyên môn của VĐV ở mức hoàn thiện các kỹ năng và kỹ xảo thể thao phù hợp [20].

Ở Việt Nam cũng có nhiều tác phẩm, bài viết đề cập đến việc xây dựng hệ thống lý luận và ứng dụng trong đánh giá trình độ tập luyện, dự báo tiềm năng và tuyển chọn VĐV ở các môn thể thao. Cũng như trong các đề tài nghiên cứu thực tiễn nhằm xây dựng những chỉ tiêu tuyển chọn, xây dựng mô hình, xây dựng chương trình, định lượng vận động... Ở các môn thể thao khác nhau đã thu hút sự quan tâm và nghiên cứu của nhiều chuyên gia hàng đầu ở nước ta, như các tác giả: Lê Bửu (1986 - 1991), Nguyễn Thế Truyền (1986 - 1992 - 1993), Dương Nghiệp Chí (1989 - 1991), Tạ Văn Vinh (1990 - 1991), Phạm Ngọc viên (1990 - 1991), Nguyễn Toán (1991 - 1993), Phan Hồng Minh (1991 - 1994), Phạm Trọng Thanh (1993), Trần Phúc Phong (1993), Trương Anh Tuấn (1993), Phạm Danh Tôn (1993 - 1995), Phạm Quang (1994 - 1995).

Theo khái niệm về cấu trúc nhiều thành phần của trình độ tập luyện, thì thành tích thể thao được xác định bằng cả một loạt yếu tố và có thể ghép chúng vào một số nhóm. Chính vì vậy có thể nghiên cứu trình độ tập luyện theo nhiều khía cạnh khác nhau: Sư phạm, y học, tâm lý và xã hội học [35], [38].

Trong thực tiễn nghiên cứu thể dục thể thao các công trình nghiên cứu về sư phạm thường đánh giá trình độ tập luyện của VĐV theo trình độ thể lực chung và trình độ thể lực chuyên môn.

1.2.2. Các quan điểm về đánh giá trình độ tập luyện của VĐV Cầu lông.

Riêng trong môn Cầu lông với đặc điểm cơ bản đòi hỏi VĐV phải có kỹ thuật toàn diện, vững chắc, tốc độ phản ứng nhanh, thần kinh linh hoạt, có khả năng phán đoán chính xác, tính quyết đoán, tâm lý vững vàng, mưu trí. Thực hiện được kỹ thuật đánh cầu trong các tình huống căng thẳng và luôn thay đổi

mà vẫn chính xác, hiệu quả. Xuất phát từ đặc điểm trên các nhà chuyên môn đã đưa ra khái niệm cụ thể hơn, đặc trưng hơn của môn Cầu lông.

Theo quan điểm của Thạc sỹ Trần Văn Vinh: “*TĐTL của VĐV Cầu lông là khả năng thích ứng ngày càng cao của VĐV đạt được trong quá trình tập luyện và thi đấu. Khả năng thích ứng này được biểu hiện bằng sự phát triển tổng hợp những năng lực về kỹ thuật, chiến thuật, tố chất thể lực và tâm lý*” [47].

Theo quan điểm của Thạc sỹ Đào Chí Thành: “*TĐTL của VĐV Cầu lông là trình độ điều luyện về kỹ - chiến thuật, mức độ phát triển về tố chất thể lực và sự vững vàng nhạy bén về tinh thần và ý thức để đáp ứng yêu cầu đạt thành tích thể thao ngày càng cao*” [37]. Cũng theo tác giả, những yếu tố quan trọng nhất cấu thành TĐTL đó là:

Tố chất hình thái, các chỉ số chức năng sinh lý của VĐV.

Trình độ chuẩn bị thể lực chung và chuyên môn.

Trình độ điều luyện về kỹ thuật và khả năng tiếp tục hoàn thiện phù hợp với quy luật sinh học.

Tư duy chiến thuật, bản lĩnh chiến lược thực hiện các trận đấu then chốt.

Trạng thái sức khỏe và khả năng hồi phục của cơ thể [37].

Như vậy, hai định nghĩa trên của các tác giả đã xem xét TĐTL bằng khả năng thích ứng của cơ thể VĐV biểu hiện trong sự phát triển tổng hợp các mặt năng lực thể thao, dưới tác động tập luyện và thi đấu.

Tóm lại: Các quan điểm nghiên cứu về vấn đề đánh giá trình độ tập luyện trong TĐTL rất phong phú đa dạng và nhìn nhận dưới các góc độ khác nhau. Từ những phân tích trên, luận văn cho rằng trình độ tập luyện của vận động viên là khả năng thích ứng ngày càng cao của vận động viên đạt được trong quá trình tập luyện và thi đấu. Khả năng thích ứng này biểu hiện bằng sự phát triển tổng hợp những năng lực về kỹ chiến thuật, tố chất thể lực và tâm lý.

Căn cứ vào tính chất đặc trưng của môn Cầu lông, mục đích và nhiệm vụ của giai đoạn chuyên môn hóa (học chuyên sâu) cho sinh viên trường ĐHSPT

TDTT Hà Nội. Chúng tôi cho rằng: *Trình độ tập luyện hay kết quả học tập thực hành theo học kỳ của sinh viên chuyên sâu Cầu lông là thước đo khả năng hoàn thiện về kỹ - chiến thuật và mức độ phát triển ngày càng cao của các tố chất thể lực, tâm lý cùng những biến đổi thích ứng về sinh học cho phù hợp với đặc thù của môn Cầu lông thông qua quá trình học tập, tập luyện và thi đấu.*

Theo quan điểm về cấu trúc nhiều thành phần của trình độ tập luyện thì đánh giá trình độ tập luyện phải theo nguyên tắc giải quyết tổng hợp các thành tố cấu thành trình độ tập luyện, các thành tố này có thể ghép chung vào một số nhóm. Do vậy nghiên cứu trình độ tập luyện phải xem xét ở các khía cạnh khác nhau: Sư phạm, tâm lý, y sinh, xã hội. Trong đó thuộc về khía cạnh sư phạm của trình độ tập luyện có trình độ kỹ thuật, chiến thuật và thể lực (chung và chuyên môn) của VĐV. Thuộc khía cạnh tâm lý của trình độ tập luyện phải kể đến trạng thái tâm lý, các phẩm chất ý chí phù hợp với môn thể thao đặc thù cả đạo đức của VĐV. Cũng cần lưu ý rằng các môn bóng nói chung và đặc biệt là môn Cầu lông, yếu tố tâm lý có liên quan rất nhạy với thành tích thể thao, là yếu tố quyết định trực tiếp đến kết quả thi đấu. Thuộc khía cạnh y sinh của trình độ tập luyện Cầu lông xem xét đến các chỉ số hình thái chức năng, sinh lý của cơ thể và tình trạng sức khỏe. Về khía cạnh xã hội của trình độ tập luyện là việc xác định vị trí của thể thao và vận động viên trong xã hội, nó thể hiện ở điều kiện sống của VĐV, động cơ và cả về những tính chất khác nhau của tính cách...[1].

Trong thực tiễn nghiên cứu của đề tài lựa chọn nội dung và xây dựng tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập thực hành cho sinh viên chuyên sâu Cầu lông trường ĐH SP TDTT Hà Nội, các yếu tố được chúng tôi nghiên cứu dưới góc độ sư phạm bao gồm: Kỹ thuật, chiến thuật và thể lực (chung và chuyên môn).

1.3. Những định hướng nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên TDTT.

Sự nghiệp đổi mới của đất nước ta nhằm mục tiêu "Dân giàu - Nước mạnh - Xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" đã và đang tạo nên điều kiện hết sức thuận lợi cho công tác đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật thể dục thể thao. Mặt

khác, quá trình đổi mới đất nước một cách toàn diện cũng đặt ra cho ngành TDTT, các trường Đại học và Cao đẳng TDTT những yêu cầu bức thiết và nghiêm ngặt về chất lượng đào tạo và bồi dưỡng cán bộ TDTT cho đất nước vào những năm đầu của thế kỷ 21.

Do vậy, phát triển TDTT là một yếu tố khách quan, là nhiệm vụ quan trọng của Đảng và Nhà nước đặt ra cho ngành TDTT trong giai đoạn hiện nay. Chỉ thị 36/CP-TW của Ban chấp hành trung ương Đảng khoá VII về công tác TDTT đã nêu rõ: "Phát triển TDTT là yêu cầu khách quan, là một bộ phận không thể thiếu được trong chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước" [3].

Theo quan điểm của Đảng, nền TDTT của Việt Nam là nền thể thao mang tính dân tộc, tính khoa học và tính nhân dân, phải góp phần tích cực vào sự nghiệp đào tạo và giáo dục con người mới, đáp ứng với nhu cầu của sự nghiệp Cách mạng nước ta, TDTT góp phần thắng lợi của nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội và quốc phòng của đất nước. Mặt khác TDTT phải góp phần mở rộng quan hệ quốc tế, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, hợp tác hữu nghị giữa các nước trong khu vực và trên thế giới [3], [5].

Một trong những nguồn lực đặc biệt quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ chính trị mà Đảng và Nhà nước đặt ra cho ngành TDTT đó là: Đội ngũ cán bộ thể dục thể thao và chất lượng của đội ngũ cán bộ đó. Vấn đề này được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Tháng 04/1998, Thường vụ Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam ra thông tư số 03/TT-TW để tăng cường công tác lãnh đạo TDTT, thông tư đã nhấn mạnh: "Ngành thể dục thể thao đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ thể dục thể thao nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ khoa học, huấn luyện viên, giáo viên thể dục thể thao" [5].

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: Nhiệm vụ, mục tiêu cơ bản của giáo dục là nhằm xây dựng những con người và thế hệ thiết tha gắn bó với ý tưởng độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng, có ý chí kiên cường,

xây dựng bảo vệ Tổ quốc, xây dựng nền công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; Giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc, có năng lực tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, phát huy tính tích cực của cá nhân, làm chủ tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, có tư duy sáng tạo, có kỹ năng thực hành giỏi, có tác phong công nghiệp, có tính tổ chức kỷ luật, có sức khoẻ, là những người kế thừa xây dựng XHCN vừa "Hồng" vừa "Chuyên".

Tháng 04/1963, Hội nghị Trung ương lần thứ VIII của Ban chấp hành Trung ương khoá III đã khẳng định: "Bắt đầu đưa dạy thể dục thể thao và một số môn thể thao cần thiết vào chương trình học tập các trường phổ thông, chuyên nghiệp và đại học". Tháng 06/1991, Nghị quyết đại hội VII của Đảng cộng sản Việt Nam đã khẳng định: "Về công tác thể dục thể thao cần coi trọng nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trường học." [2].

Ngày 24/03/1994, Ban bí thư Trung ương Đảng đã ra chỉ thị 36/CT-TW về công tác thể dục thể thao trong giai đoạn mới. Trong chỉ thị có đoạn nêu rõ: "Cải tiến chương trình giảng dạy, tiêu chuẩn rèn luyện thân thể, đào tạo giáo viên thể dục thể thao trong trường học các cấp" [3].

Tóm lại, suốt các chặng đường của Cách mạng Việt Nam, Đảng, Bác Hồ và Nhà nước ta luôn quan tâm tới công tác TDTT, dùng quan điểm đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin vận dụng sáng tạo vào điều kiện thực tế của Việt Nam để đề ra các đường lối lãnh đạo, chỉ đạo hết sức đúng đắn.

Tóm lại:

Từ những kết quả phân tích, tổng hợp nêu trên, cho phép đi đến một số nhận xét sau:

Trình độ tập luyện của đối tượng tham gia tập luyện là sự nâng cao năng lực thể thao nhờ ảnh hưởng của lượng vận động tập luyện, lượng vận động thi đấu và các biện pháp hỗ trợ khác. Trình độ tập luyện là thước đo hiệu quả của công tác giảng dạy và huấn luyện.

Năng lực thực hành - Trình độ tập luyện của sinh viên chuyên sâu Cầu lông Trường ĐHSP TDTT Hà Nội là một tổ hợp yếu tố nhiều thành phần, nó

quy định mức độ biến đổi tương ứng về mọi mặt của mỗi cá thể trước một loại hình hoạt động đặc thù, khả năng này về cơ bản được hình thành, phát triển dưới tác động của lượng vận động thể chất theo xu hướng chuyên môn, và được thể hiện thông qua năng lực hoạt động chuyên môn cao hay thấp của sinh viên.

Việc nghiên cứu, đánh giá trình độ tập luyện của sinh viên chuyên sâu Cầu lông Trường ĐHSP TĐTT Hà Nội được tiến hành trên quan điểm nghiên cứu mang tính tổng hợp, toàn diện theo tất cả các thành tố cấu thành của nó dưới góc độ sư phạm là chính và mang tính đặc thù chuẩn bị nghề nghiệp.

Hầu hết các tác giả đều xuất phát từ yêu cầu của công tác tuyển chọn và huấn luyện là chính, mà chưa hẳn là xuất phát từ yêu cầu đánh giá trình độ tập luyện nhằm phục vụ công tác giảng dạy dưới góc độ sư phạm. Hơn nữa, dù xuất phát từ mục đích và yêu cầu nghiên cứu khác nhau, nhưng khi lựa chọn nội dung các test đánh giá, các tác giả hầu như chưa đề cập tới điều kiện thực tiễn tại các cơ sở đào tạo không chuyên. Do vậy, không thể có đầy đủ phương tiện máy móc như các tác giả đã sử dụng cho mục đích nghiên cứu, để từ đó xây dựng một hệ thống các test sư phạm phù hợp với thực trạng giảng dạy tại các trường sư phạm TĐTT.

Vì vậy luận văn cho rằng, các công trình nghiên cứu đó có ý nghĩa tham khảo cao để xác định hệ thống các test đánh giá trình độ tập luyện cho sinh viên chuyên sâu Cầu lông Trường ĐHSP TĐTT Hà Nội.

1.4. Đặc điểm và tác dụng môn Cầu lông.

1.4.1. Đặc điểm môn Cầu lông.

Cầu lông là môn thể thao đối kháng trực tiếp, nhưng không có sự tiếp xúc nhau về thể chất. Tuy không có sự va chạm trực tiếp giữa các đấu thủ nhưng tính đối kháng vẫn rất căng thẳng qua các pha tấn công và phòng thủ giữa các đấu thủ nhằm chiếm ưu thế và dành điểm.

Cầu lông là môn thể thao đòi hỏi sự linh hoạt cao trong cả việc vận dụng các kỹ, chiến thuật vào các tình huống thi đấu cụ thể lẫn trong di chuyển trên sân để tiếp xúc cầu. Trong thi đấu các vận động viên cầu lông vừa phải di chuyển rất nhanh đến các vị trí khác nhau để tiếp xúc cầu trong khoảng thời gian ngắn nhất

nhưng lại hoạt động trong thời gian dài với hoạt động yêu cầu có sức mạnh và phải thực hiện động tác với độ chính xác cao.

Với đặc điểm hoạt động rất đa dạng và phức tạp như vậy nên để thi đấu hiệu quả đòi hỏi người chơi cầu lông phải có trình độ kỹ - chiến thuật, và trình độ thể lực cao.

1.4.2. Tác dụng của môn cầu lông

Cầu lông là môn thể thao đã và đang được phát triển mạnh mẽ ở nước ta. Đặc biệt trong những năm gần đây phong trào cầu lông đã phát triển rộng khắp tới mọi miền của tổ quốc và thực hiện sự góp phần nâng cao sức khỏe cho mọi tầng lớp nhân dân.

- Đối với những người tuổi cao, tập luyện và thi đấu cầu lông có tác dụng củng cố, tăng cường sức khỏe, chống già nua, thoái hóa của một số bộ phận cơ thể thông qua đó có thể phòng chống được nhiều bệnh ở tuổi già... suy nhược cơ thể, cao huyết áp...

- Đối với thể hệ trẻ, thanh thiếu niên, nhi đồng thì tập luyện thi đấu cầu lông có tác dụng phát triển toàn diện các năng lực thể chất, đặc biệt là tố chất thể lực. Nó có tác dụng rèn luyện các phẩm chất đạo đức, tâm lý, có thái độ đúng đắn với lao động, nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa.

- Đối với những người làm việc trí óc, sau thời gian lao động, làm việc căng thẳng, mệt mỏi, việc tập luyện, thi đấu cầu lông có tác dụng làm thay đổi trạng thái từ mệt mỏi sang hưng phấn, tạo cảm giác thoải mái, dễ chịu, bớt căng thẳng cho hệ thần kinh, hồi phục cơ thể nhanh.

- Đối với những người lao động chân tay, tập luyện cầu lông có tác dụng củng cố sức khỏe, tăng cường sức mạnh cơ bắp, hoạt động nhanh nhẹn, linh hoạt, xử lý mọi tình huống trong cuộc sống một cách có hiệu quả nhất.

1.5. Giảng dạy và huấn luyện sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông

Quan điểm về sức mạnh

Trong thực tế TDTT có nhiều quan điểm về tố chất SM, nhưng hầu như các quan điểm đều cho rằng: Sức mạnh của con người là khả năng khắc phục lực cản của bên ngoài hay chống lại lực cản đó bằng nỗ lực cơ bắp [27], [29].

Vai trò của sức mạnh trong cầu lông

Trong thi đấu cầu lông cũng như các môn thể thao khác đều phải sử dụng nhiều tố chất thể lực khác như sức nhanh, sức mạnh, sức bền khả năng phối hợp vận động. Song tùy thuộc vào đặc điểm của mỗi môn thể thao mà việc sử dụng các tố chất thể lực đó khác nhau, có môn thì chuyên về sức nhanh, có môn thì chuyên về sức mạnh. Cầu lông là môn thể thao đối kháng mà thành tích của nó được thể hiện ở năng lực của mỗi cá nhân trong việc sử dụng kỹ- chiến thuật, thể lực và sự ổn định về tâm lý. Thi đấu cầu lông còn đòi hỏi ở người chơi trình độ điều luyện về kỹ thuật, sử dụng hợp lý và sáng tạo về mặt chiến thuật mà còn yêu cầu rất cao việc phát huy đầy đủ các tố chất thể lực của cơ thể, đặc biệt là tố chất sức mạnh.

Đặc điểm của thi đấu cầu lông là người chơi phải di chuyển liên tục với tốc độ cao, đồng thời kết hợp với cá động tác đánh cầu hợp lý, nhanh, mạnh để thực hiện ý đồ chiến thuật của mình trong thi đấu nhằm đạt kết quả cao. Vì vậy sức mạnh trong cầu lông thường được thể hiện ở các động tác bật nhảy, khả năng di chuyển và các động tác đánh cầu đòi hỏi phát huy lực tối đa của cơ thể, đập cầu, đẩy cầu, phong cầu, bạt cầu...

Một yêu cầu quan trọng khi thực hiện các động tác kỹ thuật của cầu lông là phải phát huy được sức mạnh tối đa để vừa tăng hiệu quả của kỹ thuật, vừa gây cho đối phương những tình huống bất ngờ và bị động trong quá trình thi đấu, nâng cao hiệu quả thi đấu [11], [27], [31].

Tóm lại: Sức mạnh là một trong những tố chất quan trọng hàng đầu trong tập luyện và thi đấu cầu lông, Vì vậy các chuyên gia, giảng viên, HLV đều biết chú trọng đến việc huấn luyện tố chất sức mạnh cho người học, VĐV.

Phân loại sức mạnh, khuynh hướng và nhiệm vụ huấn luyện sức mạnh

Phân loại sức mạnh: Có nhiều cách để phân loại sức mạnh nếu căn cứ vào chế độ hoạt động của cơ thì sức mạnh được chia làm 2 loại đó là sức mạnh động lực và sức mạnh tĩnh lực (đẳng trương và đẳng trường). Trong đó sức mạnh động lực chia làm ba loại là: Sức mạnh tối đa, sức mạnh tốc độ và sức mạnh bền.

Trong các loại sức mạnh trên, tính chất vận động có khác nhau nên ta có thể phân chia thành các loại cơ bản sau:

- Năng lực sức mạnh tối đa là sức mạnh động lực cao nhất mà người học có thể thực hiện khi cơ cơ tối đa.

- Năng lực sức mạnh tốc độ: Là khả năng khắc phục lực cản với tốc độ cơ cơ cao của người học.

- Năng lực sức mạnh bền: Là khả năng chống lại mệt mỏi của người học khi hoạt động sức mạnh kéo dài.

- Năng lực sức mạnh tĩnh lực: Là sức mạnh được thực hiện trong các hoạt động tĩnh và chậm hoặc dừng sức tối đa.

Ngoài ra còn SM bột phát: là năng lực biểu hiện trị số sức mạnh lớn trong khoảng thời gian ngắn nhất. Đây cũng là một dạng quan trọng của sức mạnh.

Khuynh hướng huấn luyện sức mạnh: Trên cơ sở phân loại SM ta có khuynh hướng huấn luyện sau:

- Sử dụng trọng lượng tối đa và gần tối đa

- Khắc phục trọng lượng chưa tới hạn và số lần lặp lại cực hạn.

- Sử dụng trọng lượng chưa đến mức tối đa với tốc độ cực đại.

Ngoài ra ta còn sử dụng các bài tập tĩnh trong huấn luyện sức mạnh

1.6. Cơ sở lý luận của test và lý thuyết đánh giá.

1.6.1. Cơ sở lý luận của test.

* *Khái niệm test*

Đo lường hoặc thử nghiệm được tiến hành với mục đích xác định trạng thái hay khả năng hoạt động của đối tượng thử nghiệm gọi là test. Không phải

mọi phép đo đều có thể sử dụng làm test, mà chỉ có những phép đo giải quyết được những yêu cầu chuyên biệt sau mới gọi là test:

- Có hệ thống đánh giá
- Có tính thông báo
- Đủ độ tin cậy

Có 3 phương pháp đánh giá sự tin cậy của test đó là:

- Phương pháp test lặp lại
- Phương pháp test gấp đôi
- Phương pháp test song song

Ở đây chúng tôi chỉ đề cập đến phương pháp test lặp lại. Phương pháp test lặp lại nghĩa là lặp lại 2 lần yêu cầu. Nên tiến hành lặp lại trong cùng buổi tập hoặc cùng ngày với lần thứ nhất trên cùng một đối tượng nghiên cứu, trong cùng một điều kiện. Xác định độ tin cậy của test bằng phương pháp phân tích phương sai, tính hệ số tương quan giữa kết quả của 2 lần lặp lại.

Các đánh giá độ tin cậy khi:

- Từ 0,95 – 0,99 mức độ tin cậy rất cao
- Từ 0,90 – 0,94 mức độ tin cậy cao
- Từ 0,80 – 0,89 cho phép dùng được
- Từ 0,60 – 0,69 mức độ nghi vấn trong kiểm tra, đánh giá [5],[6].

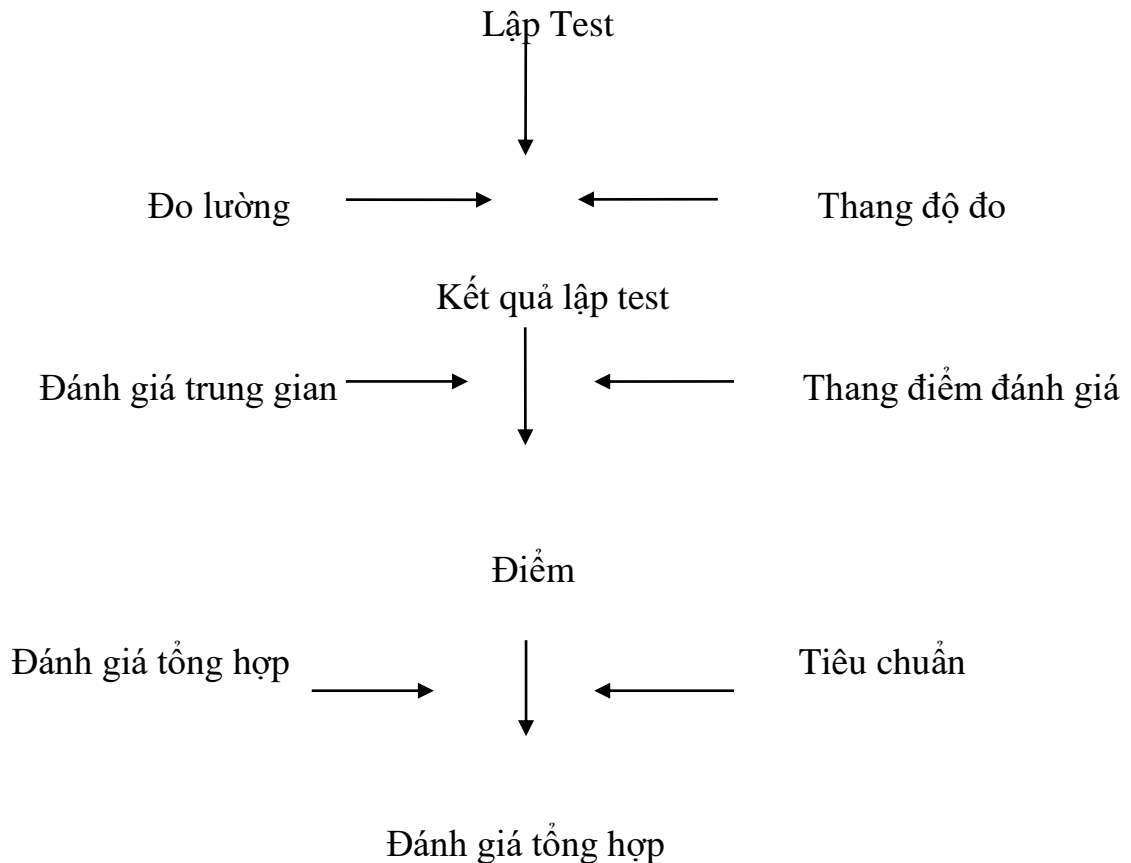
1.7.2. Lý thuyết đánh giá

Theo các nhà khoa học đo lường thể thao như Zaxiorski (Nga), Dương Nghiệp Chí (Việt Nam) thì việc xác định mức độ phân loại kết quả test hay nói riêng là phân loại thành tích của người kiểm tra, quá trình đó được gọi là quá trình đánh giá. Đây là quá trình phân loại, nó khác với quá trình đánh giá nhận xét học sinh trong giảng dạy. Đánh giá phân loại phức tạp hơn cần phải có số lượng lớn hơn đối tượng được đánh giá và cần đảm bảo hiệu quả hữu ích lớn nhất.

Thông thường để đánh giá phân loại các nhà đo lường thể thao thường đem quá trình đánh giá chia thành 2 giai đoạn:

- + Giai đoạn 1: Lập thang đánh giá(được gọi là đánh giá trung gian)
- + Giai đoạn 2: Là so sánh thang điểm đã lập với các tiêu chí cũ để đánh giá tổng hợp.

Song trong thực tiễn thể thao việc đánh giá phân loại người ta thường gộp 2 giai đoạn trên làm một, sơ đồ đánh giá được biểu thị như sau :



Cũng theo các nhà đo lường thể thao, quá trình đánh giá có thể tiến hành theo các phương pháp khác nhau như :

1) Xây dựng bảng điểm môn thể thao và thang điểm đánh giá quy luật diễn biến thành tích thể thao được biểu hiện bằng số điểm được gọi thang đánh giá.

2) Thang đánh giá có thể ở dạng công thức toán học, bảng hoặc biểu đồ. Thang đánh giá thường có 4 loại :

- + Thang tỷ lệ
- + Thang giảm
- + Thang Tăng

+ Thang dạng xích ma

Trong thể thao việc xây dựng thang điểm được sử dụng rộng rãi là thang “ ? “ mặc dầu dạng thang điểm này có nhược điểm là kết quả sẽ bị khuếch đại ở mức độ rất cao hay rất thấp .

Thang chuẩn : Người ta dùng độ lệch chuẩn làm tỷ lệ xích ma trong thang độ này, vì vậy được gọi là thang chuẩn. Các loại thang độ phổ biến là thang độ T và thang độ C. Trong đề tài này, Chúng tôi sử dụng thang độ C để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá cho các VĐV [5],[6].

** Tiêu chuẩn đo lường*

Theo các nhà khoa học đo lường thể thao “ lấy giá trị giới hạn của thành tích làm cơ sở để xếp loại thành tích cho người kiểm tra ” được gọi là tiêu chuẩn trong phép đo lường thể thao.

Vì vậy tiêu chuẩn được xây dựng phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau :

- Tiêu chuẩn so sánh là dựa trên cơ sở so sánh những người người cùng một tổng thể (một mẫu). Sau đó dùng một trong các loại thang đánh giá để xác định tiêu chuẩn .

- Đồng thời cũng có thể định ra trực tiếp theo giá trị trung bình và độ lệch chuẩn theo quy tắc 2?

- Tiêu chuẩn riêng dựa trên cơ sở so sánh các chỉ số ở cùng một VĐV ở các trạng thái khác nhau.

- Tiêu chuẩn cần thiết dựa trên cơ sở phân tích con người cần biết làm gì để hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra trong cuộc sống, như tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

Ngoài ra còn có các tiêu chuẩn về phân loại sức khỏe của các lứa tuổi, tiêu chuẩn phân nhóm tuổi[5],[6].

CHƯƠNG II:

PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết các mục tiêu nghiên cứu, đề tài sẽ sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

2.1.1. Phương pháp đọc và phân tích tài liệu.

Phương pháp đọc và phân tích tài liệu là phương pháp được sử dụng rộng rãi trong các công trình nghiên cứu khoa học, phương pháp này để tổng hợp các tài liệu chuyên môn và tài liệu có liên quan, làm cơ sở lý luận cho đề tài. Các tài liệu được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó có cả những tài liệu chưa từng được khai thác. Đây là quá trình nhằm nối tiếp và bổ sung những luận cứ khoa học còn thiếu, tìm hiểu những vấn đề có liên quan đến công tác huấn luyện sức mạnh cho VĐV, sinh viên làm cơ sở vững chắc cho các bước nghiên cứu tiếp theo [21].

2.1.2. Phương pháp phỏng vấn và tọa đàm.

Sử dụng phương pháp này nhằm thu thập những thông tin trên liên quan điềm của các nhà khoa học, các giảng viên môn cầu lông, các HLV và các chuyên gia môn Cầu lông. Thông tin qua phiếu hỏi và trao đổi trực tiếp nhằm tìm ra những test sức mạnh có số ý kiến tán thành cao đưa vào kiểm nghiệm để xác định test có đủ phẩm chất [21].

- Phương pháp phỏng vấn trực tiếp: chúng tôi trao đổi trực tiếp với các giảng viên, HLV có kinh nghiệm và thâm niên trong huấn luyện, giảng dạy. Thông qua trao đổi trực tiếp chúng tôi có được những thông tin cần thiết về việc lựa chọn các test đánh giá và các bài tập nhằm phát triển sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam trường ĐH sư phạm TĐTT Hà Nội

- Phương pháp phỏng vấn gián tiếp: Chúng tôi tiến hành phỏng vấn bằng phiếu các giảng viên ở cá trường ĐH TĐTT, cao đẳng TĐTT và HLV các tỉnh phía bắc Hà Nội, Thanh Hóa, Hải Phòng, Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh...

2.1.3. Phương pháp quan sát sự phạm

Sử dụng phương pháp này nhằm thu thập thông tin từ các hoạt động tập luyện và thi đấu, làm cơ sở thực tiễn giúp cho việc lựa chọn chính xác hệ thống test sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam [21].

Phương pháp này sử dụng xuyên suốt trong quá trình nghiên cứu.

2.1.4. Phương pháp kiểm tra sự phạm

Sử dụng phương pháp này nhằm đưa các test vào kiểm tra trên đối tượng thử nghiệm. Trên cơ sở đó xác định mẫu nghiên cứu và các test đủ phẩm chất cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam phục vụ cho quá trình nghiên cứu [21].

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài tiến hành xác định tính thông báo và độ tin cậy của các test SM cho sinh viên cầu lông, đồng thời xây dựng tiêu chuẩn đánh giá cho những test đảm bảo tính thông báo và độ tin cậy cho phép sử dụng được. Đó là những test sau:

1. Bật xa tại chỗ (cm):

- Mục đích: Đo sức mạnh của nhóm chi dưới khi co duỗi lúc bật nhảy.
- Dụng cụ: Mặt đất bằng phẳng, thước đo.
- Cách thực hiện: Người thực hiện đứng trên ván giậm nhảy (sau mép ván), sau đó hạ thấp trọng tâm để rạo đà và bật hết sức về phía trước.
- Cách tính thành tích: đo khoảng cách từ mép ván tới điểm gần nhất của cơ thể khi tiếp đất (thực hiện 3 lần lấy thành tích cao nhất).

2. Co tay xà đơn tối đa (lần).

- Mục đích: Đo sức mạnh bên cầu tay, vai và ngực.
- Dụng cụ: Xà đơn tiêu chuẩn.
- Cách tiến hành: Người được kiểm tra hai tay nắm xà, thân người treo trên xà sao cho hai chân không chạm đất. Khi có hiệu lệnh làm động tác co tay làm cho cằm vượt qua xà, sau đó lại duỗi tay đưa cơ thể về tư thế ban đầu, cứ như vậy thực hiện liên tục cho đến khi không thực hiện được nữa.
- Yêu cầu: Thực hiện liên tục, không tạp đà và đảm bảo nhịp độ

- Cách tính thành tích: Tính số lần thực hiện đúng yêu cầu.

3. *Nắm sấp nắm tay chống đẩy 40s (lần)*

- Mục đích: Đo sức mạnh tốc độ của tay

- Dụng cụ, sân bãi: Xà tập phẳng.

- Cách tiến hành: Người được kiểm tra hai tay nắm, chống sấp thẳng tay trên xà, thân người duỗi thẳng. Khi có hiệu lệnh làm động tác co tay hạ thấp thân người, sau đó lại duỗi tay đưa cơ thể về tư thế ban đầu, cứ như vậy thực hiện cho đến khi hiệu lệnh dừng.

- Yêu cầu: Thực hiện liên tục, thân người luôn giữ thẳng và đảm bảo nhịp độ

- Cách tính thành tích: Tính số lần thực hiện đúng yêu cầu.

4. *Ném quả cầu lông (m)*

- Mục đích: Đánh giá sức mạnh nhóm cơ tay, vai

- Dụng cụ: Quả cầu lông, thước dây.

- Phương pháp tiến hành: Người thực hiện đứng sau vạch giới hạn hai chân rộng bằng vai, tay thuận cầm quả cầu đưa thẳng lên cao.

- Yêu cầu: Khi ném cầu chỉ sử dụng sức mạnh của tay và vai. Thực hiện 3 lần và lấy kết quả ném xa nhất

5. *Bật cao tại chỗ với bảng 1 tay (m)*

- Mục đích: Phát triển sức mạnh cho người tập.

- Dụng cụ: Sân phẳng, bảng sso

- Phương pháp tiến hành: Người được kiểm tra đứng ngay sát bảng đo, khi nghe có hiệu lệnh thì người thực hiện nhún người bật lên ngón tay với bảng.

- Yêu cầu: + Số lần lặp lại 3 tổ

+ Bật hết sức.

- Cách đánh giá: Số lần mà VĐV bật được cao nhất.

2.1.5. Phương pháp toán học thống kê.

Từ các số liệu thu được, chúng tôi tiến hành xử lý bằng phương pháp toán thống kê được trình bày trong cuốn “Đo lường thể thao”, “Những cơ sở của toán học thống kê”, “Phương pháp thống kê trong TDTT” [18], [45].

Các tham số đặc trưng mà chúng tôi quan tâm là: \bar{x} , t , δ , r , W .

1. Giá trị trung bình cộng:

$$\bar{x} = \frac{\sum_{i=1}^n x_i}{n}$$

2. Phương sai:

$$\delta^2 = \frac{\sum (x_i - \bar{x})^2}{n - 1} \quad (\text{Với } n \leq 30)$$

3. Độ lệch chuẩn:

$$\delta = \sqrt{\delta^2}$$

4. So sánh 2 số trung bình quan sát:

$$t = \frac{\bar{x}_A - \bar{x}_B}{\sqrt{\frac{\delta_c^2}{n_A} + \frac{\delta_c^2}{n_B}}} \quad (\text{Với } n_A < 30 \text{ và } n_B < 30)$$

Trong đó:
$$\delta_c^2 = \frac{\sum (x - \bar{x}_A)^2 + \sum (x - \bar{x}_B)^2}{n_A + n_B - 2}$$

5. So sánh 2 số trung bình tự đối chiếu:

$$t = \frac{\bar{x}_d}{\frac{\delta_d}{\sqrt{n}}}$$

Trong đó:
$$\bar{x}_d = \frac{\sum d}{n}; \delta_d^2 = \frac{\sum d^2}{n} - \left(\frac{\sum d}{n} \right)^2;$$

6. Tính hệ số tương quan:

$$r = \frac{\sum (x_i - \bar{x})(y_i - \bar{y})}{\sqrt{\sum (x_i - \bar{x})^2 (y_i - \bar{y})^2}}$$

7. Nhịp độ tăng trưởng:

$$W = \frac{100 \times (V_2 - V_1)}{0,5 \times (V_1 + V_2)} \%$$

Trong đó: - W: Nhịp độ phát triển (%).

- V1: Kết quả kiểm tra lần trước của các chỉ tiêu.

- V2: Kết quả kiểm tra lần sau của các chỉ tiêu.

- 100 và 0,5: Các hằng số.

8. Điểm theo thang độ C:

$$c = 5 + 2z \text{ với } z = \frac{x_i - \bar{x}}{\delta}$$

Trong đó: - x_i : Là giá trị cần tìm ứng với điểm từ 1 - 10 của C.

- \bar{x} : Là giá trị trung bình của tập hợp.

- δ : là độ lệch chuẩn.

Việc phân tích và xử lý các số liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu của đề tài được chúng tôi xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel của Đặng Văn Giáp đã được xây dựng trên máy vi tính.

2.2. Tổ chức nghiên cứu

2.2.1. Thời gian nghiên cứu: 2 năm, kể từ tháng 10/2011 đến tháng 10/2013

- Giai đoạn 1: Từ tháng 10/2011 – 1/2012, xây dựng và thông qua đề cương nghiên cứu.

- Giai đoạn 2: Từ tháng 1/2012 – 04/2012, tổng hợp và phân tích các số liệu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu

- Giai đoạn 3: Từ tháng 05/2012 – 11/2012, tiến hành qua sát sự phạm, phỏng vấn tọa đàm nhằm lựa chọn test sức mạnh.

- Giai đoạn 4: Từ tháng 11/2012 – 03/2013, kiểm tra lấy số liệu xác định độ tin cậy, tính thông báo và xây dựng tiêu chuẩn.

- Giai đoạn 5: Từ tháng 04/2013 - 06/2013, ứng dụng test và tiêu chuẩn đánh giá sức mạnh trên sinh viên cầu lông nam trường ĐHSP TĐTT Hà Nội

- Giai đoạn 6: Từ tháng 7/2013 – 10/2013, viết hoàn thiện đề tài và bảo vệ trước hội đồng khoa học.

2.2.2. Đối tượng nghiên cứu

- Chủ thể: Tiêu chuẩn đánh giá sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam trường ĐHSP TĐTT Hà Nội.

- Khách thể: là các nhà chuyên môn khu vực phía Bắc và các sinh viên chuyên sâu cầu lông nam trường ĐHSP TĐTT Hà Nội.

2.2.3. Cơ quan phối hợp nghiên cứu

Trường ĐH TĐTT Bắc Ninh, Trường ĐH sư phạm TĐTT Hà Nội.

CHƯƠNG III:

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Đánh giá thực trạng môn cầu lông - đội ngũ giáo viên và một số căn cứ lựa chọn chỉ tiêu đánh giá kết quả học tập thực hành cũng như trình độ thể lực của sinh viên chuyên sâu Cầu lông trường ĐHSP TDTT Hà Nội

Để việc lựa chọn nội dung và xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ sức mạnh cho nam sinh viên chuyên sâu cầu lông trường ĐHSP TDTT Hà Nội một cách chính xác, khách quan và phù hợp với thực tiễn. Ta cần có một cái nhìn khái quát về thực trạng quá trình phát triển, các điều kiện cơ sở vật chất, giáo viên trong những năm qua của trường ĐHSP TDTT Hà Nội.

3.1.1. Đặc điểm môn cầu lông trong nhà trường ĐHSP TDTT Hà Nội

Trong những năm qua môn cầu lông ở nước ta đã phát triển một cách mạnh mẽ cả về chất và lượng. Tại trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội môn cầu lông cũng có những bước tiến đáng kể. Cơ sở vật chất phục vụ cho môn học luôn được nhà trường quan tâm : Có sân tập trong nhà với số lượng 06 sân với thảm tiêu chuẩn thi đấu đủ để phục vụ cho công tác giảng dạy và huấn luyện. Các dụng cụ khác như cầu, lưới cũng được sang bị đầy đủ. Ngoài chương trình phổ tu thì từ năm 2006 đã có chương trình chuyên sâu 2 năm cho hệ đại học và năm 2008 có chương trình chuyên sâu 3 năm. Cũng chính vì có những sự thay đổi liên tục như vậy nên công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập gặp nhiều khó khăn, đặc biệt đánh giá về kết quả học tập thực hành trong đó có nội dung đánh giá trình độ sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu Cầu lông Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội còn nhiều bất cập, nhiều khâu cần bổ sung và hoàn thiện hơn. Nguyên nhân có thể xuất phát từ một số lý do sau:

3.1.1.1. Tài liệu giảng dạy

Tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập môn cầu lông của trường ĐHSP TDTT Hà Nội còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng. Chương trình giảng dạy của bộ môn chủ yếu dựa vào cuốn giáo trình giảng dạy cầu lông

do nhóm tác giả Hương Xuân Nguyên - Mai Thị Ngoãn - Trần Văn Vinh, còn lại đều phải dựa vào các nguồn tài liệu khác.

Nội dung kiểm tra kết quả học tập thực hành của bộ môn trong những năm qua. Là một môn học mới trong trường ĐHSP TDTT Hà Nội nên ngay từ đầu công tác kiểm tra kết quả học tập thực hành cho sinh viên chuyên sâu Cầu lông đã được giáo viên trong bộ môn hết sức coi trọng. Việc kiểm tra kết quả học tập thực hành được tiến hành theo chương trình học phần đã ban hành. Cuối mỗi học phần, kết quả học tập được xác định thông qua việc tổ chức kiểm tra của các giáo viên cho lớp chuyên sâu trong nhà trường. Như vậy về hình thức, có thể nói đó là hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập thực hành định kỳ được áp dụng cho môn học. Với hệ chuyên sâu 2 năm các nội dung kiểm tra cụ thể như sau:

Bảng 3.1. Các nội dung kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn chuyên sâu Cầu lông cho từng học phần.

TT	Nội dung	Học phần	
		1	2
1	Chạy 1500 m.	X	
2	Nằm xấp chống đẩy 1 phút.		X
3	Di chuyển ngang sân đơn 1 phút.	X	
4	Di chuyển tiến lùi 1 phút.		X
5	Giao cầu thuận tay cao sâu.	X	
6	Giao cầu trái tay thấp gần		X
7	Đánh cầu cao sâu theo đường chéo.	X	X
8	Đập cầu theo đường thẳng.	X	
9	Đánh cầu góc nhỏ theo đường chéo.		X
10	Phối hợp đập thủ theo đường thẳng.		X
Tổng cộng		5	6

Với học kỳ 3 nội dung thi tổ môn Cầu lông thống nhất nội dung thi thực hành tương tự nội dung thi đẳng cấp 2, nội dung mà các sinh viên bắt buộc phải đạt được trong học kỳ đó. Học kỳ 4 sinh viên thi giáo pháp bộ môn theo chương trình thi tốt nghiệp của bộ môn.

Chương trình chuyên sâu 3 năm được tiến hành từ năm 2008 và đang trên quá trình hoàn thiện - Cũng là đối tượng nghiên cứu của đề tài.

3.1.1.2. Đội ngũ giáo viên

Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy cầu lông của trường ĐHSPTD Hà Nội có 4 giáo viên chính và 3 giáo viên hợp đồng. Trong đó có 3 giáo viên chính thường xuyên phải đi học tập nâng cao trình độ, với việc không ngừng nâng cao và mở rộng quy mô đào tạo khiến lượng sinh viên tham gia học tập ngày càng đông số giờ học trong tuần có thời điểm lên tới 100 tiết/tuần. Như vậy các giáo viên dù có cố gắng nhưng cũng sẽ không đạt được hiệu quả cao trong quá trình giảng dạy, có những giờ học số sinh viên có thể lên tới 60 - 80 người, từ đó người giáo viên rất khó để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

3.1.1.3. Công tác đánh giá kết quả .

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên cũng đồng thời được tiến hành theo các học kỳ, học phần theo những tiêu chí mà bộ môn đặt ra. Căn cứ vào kết quả thành tích mà sinh viên đạt được qua kiểm tra thực hành so với tiêu chí môn học đặt ra trong mỗi nội dung qua mỗi học phần để đánh giá theo thang điểm 10. Việc đánh giá các tiêu chí mà sinh viên đạt được trong kiểm tra thường được sử dụng các phương pháp sau:

Phương pháp 1: đánh giá bằng nhận xét chủ quan của giáo viên. Phương pháp này sử dụng bằng cách thông qua quan sát động tác của sinh viên, giáo viên đánh giá về độ chính xác khi thực hiện kỹ thuật, khả năng phối hợp vận động và những thông số về không gian, thời gian, nhịp điệu động tác mà người tập thực hiện kỹ thuật đó. Sau khi đã xác định việc đánh giá thường được tiến hành theo năm mức độ tiêu chuẩn là: Giỏi, khá, trung bình và yếu, kém. Phương

pháp này thường được sử dụng trong việc đánh giá khả năng tiếp thu kỹ thuật động tác của sinh viên ở những học phần có giới thiệu về kỹ thuật.

Phương pháp 2: xác định thông qua các tiêu chí khách quan mà sinh viên đạt được trong kiểm tra. Đó là việc xác định số lần cần phải đạt được liên tục trong khi thực hiện kỹ thuật.

Phương pháp 3: là xác định và quan sát thông qua thi đấu.

Trong thực tiễn kiểm tra của bộ môn, các phương pháp xác định trên thường được kết hợp giữa phương pháp thứ nhất và phương pháp thứ hai ở giai đoạn ban đầu để đánh giá cho kết quả kiểm tra ở đối tượng chuyên sâu cho năm

Những nhược điểm tồn tại trong công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập thực hành cho sinh viên chuyên sâu cầu lông.

Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập thực hành cho sinh viên chuyên sâu cầu lông của nhà trường trong những năm qua đã phần nào đáp ứng được yêu cầu giảng dạy và học tập của môn học. Kết quả kiểm tra như đã thống kê ở trên chỉ ra rằng công tác này đã hoàn thành sứ mệnh của mình, song để tiếp tục trong thời gian tới thì cần phải hoàn thiện hơn nữa công tác này cả về tính khoa học và thực tiễn của nó. Để giải quyết được những vấn đề này chúng ta cần tìm hiểu kỹ những tồn tại mà vừa qua công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập thực hành còn chưa làm được.

Nhược điểm thứ nhất: Thiếu sự chặt chẽ trong các nội dung kiểm tra đánh giá kết quả học tập thực hành. Điều này được thể hiện trong các nội dung kiểm tra về kỹ thuật. Mặc dù hầu hết các nội dung kiểm tra đã được lượng hoá, song ở những giai đoạn đầu mới tập luyện, yêu cầu về đánh giá khả năng tiếp thu kỹ thuật của sinh viên là rất cần thiết và quan trọng. Đặc điểm học tập của các môn thực hành đòi hỏi rất nhiều ở năng khiếu người tập, bởi vậy cùng một thời gian và điều kiện học tập như nhau, nhưng năng lực tiếp thu kiến thức của mỗi người cũng khác nhau. Vậy nên đánh giá năng lực thực hiện kỹ thuật của mỗi cá nhân sau mỗi giai đoạn tập luyện là rất cần thiết. Trong điều kiện đó các nội dung xây dựng để kiểm tra về khả năng thực hiện kỹ thuật của sinh viên thường được tiến

hành đánh giá bằng lượng hoá kết hợp với đánh giá chủ quan của giáo viên về trình độ tiếp thu kỹ thuật. Trong thực tế kiểm tra sinh viên lại thường quan tâm nhiều hơn đến số lần bắt buộc phải đánh cầu qua lại, hoặc vào ô theo quy định mà quên đi những yêu cầu của kỹ thuật về các đặc tính không gian, thời gian, nhịp điệu và dùng sức. Chính vì vậy mà có tình trạng sinh viên trong những giờ học bình thường thì thể hiện kỹ thuật tốt, song khi kiểm tra lại thực hiện kỹ thuật một cách méo mó.

Một vấn đề nữa là trong phương pháp đánh giá về kỹ thuật giáo viên thường chỉ xác định theo 5 mức (khá, giỏi, trung bình, yếu, kém), bởi vậy khi chuyển sang thang điểm, các cấp độ điểm ở mỗi mức sẽ rất rộng và dẫn đến tình trạng có thể cùng một mức đánh giá nhưng điểm số của sinh viên lại khác nhau.

Nhược điểm thứ hai là thiếu tính khoa học và thực tế. Cho đến nay các nội dung kiểm tra kết quả học tập thực hành của môn học đã được đưa vào sử dụng, song vẫn chưa một lần kiểm chứng về các test được sử dụng trong thực tiễn. Đặc biệt là tính thông báo thể hiện chủ yếu ở hệ số tương quan giữa thành tích kiểm tra các nội dung với năng lực toàn diện của sinh viên thông qua thành tích thi đấu. Điều này dẫn đến tình trạng có một số sinh viên thành tích thi đấu rất tốt nhưng kết quả kiểm tra kỹ thuật lại chưa phải là ở loại cao. Còn ở một số trường hợp khác, một số sinh viên thành tích thi đấu chỉ ở mức trung bình nhưng thành tích kiểm tra lại đứng hàng đầu trong lớp.

Từ những phân tích đánh giá trên cho phép chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

Công tác kiểm tra đánh giá kỹ năng thực hành cho sinh viên chuyên sâu cầu lông trong những năm qua phần nào đã đánh giá đúng kỹ năng thực hành của sinh viên theo yêu cầu môn học, đã động viên được các em có ý thức phấn đấu, đua tranh trong học tập. Tuy nhiên công tác này của bộ môn vẫn còn một số nhược điểm:

- Chưa xây dựng được các tiêu chuẩn cụ thể, lôgic và khoa học cho từng tiêu chí để đánh giá sát với kết quả học tập thực hành của sinh viên

Nội dung kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên cơ bản là dựa vào các nguồn tài liệu từ trường ĐH TDTT Bắc Ninh và của các môn thể thao khác như điền kinh, bóng rổ..

Chưa cân đối giữa nội dung học tập và yêu cầu kiểm tra

Thiếu chặt chẽ trong các nội dung kiểm tra

Thiếu tính khoa học và thực tiễn trong kiểm tra, đánh giá

3.1.2. Một số căn cứ lựa chọn chỉ tiêu đánh giá trình độ sức mạnh của nam sinh viên chuyên sâu Cầu lông trường ĐHSP TDTT Hà Nội

3.1.2.1. Căn cứ vào quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Đây là những cơ sở pháp lý quan trọng do Bộ giáo dục và đào tạo ban hành về công tác thi và kiểm tra đối với các trường đại học. Gần đây là Quyết định của Bộ trưởng ban hành ngày 11/2/1999 cùng với quy chế 52 của Bộ về thi và kiểm tra, trong đó bao gồm cả Quy chế thi và kiểm tra trong các trường Đại học và Cao đẳng. Mới gần đây nhất là Quy chế 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Những quy chế này là Căn cứ pháp quy khi xây dựng hệ thống chỉ tiêu nhằm đánh giá trình độ tập luyện của sinh viên chuyên sâu Cầu lông, trong đó bao gồm cả việc đánh giá theo thang điểm mà Bộ giáo dục và đào tạo đã ban hành.

3.1.2.2. Căn cứ vào yêu cầu lập test trong đo lường thể thao

Việc xây dựng các nội dung đánh giá kết quả học tập thực hành môn cho sinh viên chuyên sâu Cầu lông trường ĐHSP TDTT Hà Nội thực chất là quá trình lập tests kiểm tra đánh giá nội dung học tập. Đo lường hoặc thử nghiệm được tiến hành với mục đích xác định trạng thái và khả năng của VĐV gọi là test.

Không phải mọi phép đo đều được sử dụng làm test, mà chỉ có những phép đo đáp ứng được những yêu cầu của chuyên biệt như:

Sự tiêu chuẩn (phương pháp và điều kiện lập test như nhau trong mọi trường hợp ứng dụng test).

Có hệ thống đánh giá

Đủ độ tin cậy

Có tính thông báo

Các test đáp ứng yêu cầu về độ tin cậy và tính thông báo được gọi là đủ phẩm chất. Quá trình thử nghiệm gọi là lập test, giá trị thu được nhờ phép đo là kết quả lập test.

3.1.2.3. Căn cứ vào yêu cầu kỹ thuật

Trong các nội dung kiểm tra về thực hành cầu lông, các test kiểm tra về kỹ thuật phải được xây dựng để sao cho có thể đánh giá được đặc tính quan trọng của kỹ thuật đó, như các đặc tính về không gian, thời gian, nhịp điệu, Thông qua mỗi giai đoạn thực hiện kỹ thuật đó, bắt đầu từ tư thế chuẩn bị thực hiện động tác và kết thúc động tác. Ngoài các yêu cầu về cấu trúc kỹ thuật thì các test được xây dựng cần quan phải quan tâm đến việc các kỹ thuật đó được sử dụng như thế nào, mục đích tác dụng của nó ra sao trong hoạt động và thi đấu.

3.1.2.4. Căn cứ vào chương trình giảng dạy

Cầu lông là một môn mới được đưa vào chương trình giảng dạy chính thức của Trường ĐHSP TĐTT Hà Nội. Song các nội dung và tiêu chuẩn kiểm tra, vẫn dựa chủ yếu vào các nguồn tài liệu từ trường ĐH TĐTT Bắc Ninh và tham khảo thêm các chỉ tiêu của một số môn thể thao như bóng rổ, điền kinh. Chương trình giảng dạy môn học cầu lông được biên soạn từ năm 2008 nhằm đáp ứng công tác cải cách giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.1.2.5. Căn cứ vào yêu cầu thực tiễn của thi đấu cầu lông hiện đại

Cầu lông là môn thể thao đa dạng. Thuộc loại hình các môn bóng không va chạm trực tiếp bởi quy luật ngăn cách sân, lưới và không gian trên lưới. Tính đối kháng căng thẳng gay gắt giữa tấn công và phòng thủ được thể hiện ở khâu phạm luật, đánh cầu hỏng và được điểm.

Đặc trưng thi đấu của môn cầu lông là sự hoạt động của cơ thể với phương, chiều, tốc độ, độ vòng, điểm rơi, các cự ly khác nhau nhằm mục đích tổ

chức chiến thuật biến hóa để đối phương không kịp đối phó. Trong thi đấu cầu lông hiện đại với lối đánh biến hóa, thực dụng, hiệu quả.

Đặc điểm kỹ thuật, chiến thuật của cầu lông là: nhanh, chuẩn xác, mạnh và luôn có sự biến đổi nên ngoài việc phát triển các tố chất thể lực chung còn phát triển năng lực các tố chất chuyên môn như: tốc độ, sức mạnh tốc độ và sức mạnh bền. Điều này được thể hiện trong quá trình thi đấu thông qua động tác quay người, nghiêng người vặn mình với tốc độ nhanh, sự biến đổi, phối hợp các bộ phận của cơ thể nhanh chóng, nhịp nhàng, động tác đánh cầu phải nhanh, mạnh [37].

Theo Datuk Punch Gunala thì: thành tích của môn cầu lông phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố và yếu tố không thể thiếu được là các tố chất thể lực được biểu hiện ở các mặt: sức mạnh – tốc độ – sức bền ưa khí, sức bền yếm khí, tính linh hoạt, sức nhanh nhẹn và khả năng thăng bằng [12].

Tóm lại, việc trang bị kỹ thuật, chiến thuật và phát triển thể lực cho sinh viên trong nhà trường nói riêng và toàn bộ quá trình học tập thực hành nói chung nhằm nhiều mục đích khác nhau. Xuất phát từ những đặc điểm trên trong thực tiễn thi đấu cầu lông cũng như tương quan mật thiết giữa thành tích thi đấu thể thao với sử dụng kỹ thuật, chiến thuật, của từng VĐV mà quá trình xây dựng test kiểm tra cần thiết phải chú ý đến một số yêu cầu sau:

Yêu cầu thứ nhất là nội dung các test xây dựng sao cho phải vừa đảm bảo người tập thể hiện được khả năng hoàn thiện kỹ thuật của mình về các yếu tố không gian, thời gian, nhịp điệu lại vừa thể hiện được các yêu cầu khác của kỹ thuật khi sử dụng trong thi đấu như độ chính xác của đường cầu, cảm giác về sử dụng lực...

Thứ hai là quá trình sử dụng test cần chú ý đến tầm quan trọng của những nội dung học tập cần được kiểm tra. Có nghĩa là trong các nội dung học tập thực hành như kỹ thuật, chiến thuật, thể lực, nội dung nào quan trọng hơn trong thi đấu, nội dung nào có độ khó hơn khi thực hiện kỹ thuật thì có thể tiến hành kiểm tra nhiều lần hơn sao cho đến mức sinh viên có thể hoàn thiện được nội dung đó. Có những nội dung ít quan trọng có thể kiểm tra số lần ít hơn.

Như vậy sau khi tìm hiểu thực tế điều kiện giảng dạy học tập môn Cầu lông Trường ĐHSP TDTT Hà Nội trong các năm qua có thể rút ra một số kết luận sau:

Chương trình chuyên sâu Cầu lông hệ Đại học tuy mới được đưa vào giảng dạy từ năm 2006 nhưng đã được điều chỉnh vào năm 2008 để phù hợp hơn với đối tượng chuyên sâu.

Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy tương đối đầy đủ, tuy nhiên số lượng giáo viên còn ít, tài liệu còn thiếu.

Các nội dung kiểm tra trước đây còn thiếu chặt chẽ và chưa được nghiên cứu kiểm nghiệm một cách khoa học. Chương trình môn học mới cần có một hệ thống kiểm tra đánh giá phù hợp với thực tiễn chương trình môn học và đảm bảo tính khoa học.

Qua đánh giá tìm hiểu đề tài đã tìm và đưa ra một số căn cứ để lựa chọn các Test làm nội dung kiểm tra đánh giá trình sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam trường ĐHSSP TDTT Hà Nội.

3.2. Nghiên cứu xác định các test sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam trường ĐHSP TDTT Hà Nội

3.2.1. Nghiên cứu xác định tầm quan trọng của sức mạnh trong môn cầu lông

Trình độ tập luyện môn cầu lông phụ thuộc vào yếu tố tâm lý, kỹ thuật, chiến thuật, thể lực. Trong đó thể lực đối với môn cầu lông là yếu tố quan trọng, bao gồm các tố chất sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo và khéo léo. Tất cả những yếu tố này đều quan trọng và bổ trợ cho nhau giúp sinh viên chuyên sâu cầu lông tập luyện và thi đấu đạt kết quả cao.

Để đánh giá một cách chuẩn xác SM cho sinh viên chuyên sâu cầu lông năm thứ 2 và thứ 3, chúng tôi tiến hành bằng phương pháp phỏng vấn các chuyên gia, giáo viên, HLV cầu lông các tỉnh, thành, ngành. Với số phiếu phát ra 30 phiếu và thu về 27 phiếu (Phụ lục 2). Người trả lời bằng cách ghi số theo mức độ quan trọng sau:

- + Số 1 – Rất quan trọng
- + Số 2 – Quan trọng
- + Số 3 – Không quan trọng.

Kết quả được trình bày ở bảng 3.2

Bảng 3.2. Kết quả phỏng vấn tầm quan trọng của các tố chất thể lực trong môn cầu lông (n=27)

Tố chất	Mức độ quan trọng					
	Rất quan trọng		Quan trọng		Không quan trọng	
	n_i	%	n_i	%	n_i	%
Sức nhanh	24	88.89	2	11.11	0	0
Sức mạnh	25	92.59	2	7.41	0	0
Sức bền	22	81.48	5	18.52	0	0
Mềm dẻo	17	62.96	10	37.04	0	0
Khéo léo	18	66.67	9	33.33	0	0

Từ kết quả trên cho thấy tố chất SM được các nhà chuyên môn đánh giá cao nhất chiếm 92.59% là rất quá trọng. Vì vậy, có thể nói SM là một trong tố chất chủ đạo trong môn cầu lông. Sau khi xác định được tầm quan trọng của tố chất sức mạnh đề tài tiến hành nghiên cứu bước tiếp theo.

3.2.2. Nghiên cứu lựa chọn test đánh giá sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam trường ĐHSP TDTT Hà Nội

**Thực trạng sử dụng test:*

Bằng phương pháp quan sát sư phạm ở 5 đơn vị có giảng dạy cầu lông và chuyên ngành cầu lông. (ĐH TDTT Từ Sơn, ĐH sư phạm 1, ĐH sư phạm 2, ĐH Sư phạm TDTT Hà Nội và Cao đẳng TDTT Thanh Hóa) chúng tôi đã thu nhập được 19 test sức mạnh, tuy nhiên mức độ sử dụng ở mỗi đội có sự khác nhau. Kết quả quan sát được trình bày tại bảng 3.3

Bảng 3.3. Thực trạng test sức mạnh cho nam sinh viên chuyên sâu cầu lông ở một số đơn vị phía Bắc (n=5)

STT	Test	Đơn vị	
		m _i	%
1	Ném quả cầu lông (m)	5	100
2	Co tay xà đơn tối đa (lần)	5	100
3	Nằm sấp chống đẩy 40s (lần)	4	80
4	Bật xa tại chỗ (cm)	4	80
5	Bật cao tại chỗ với bảng 1 tay (m)	4	80
6	Treo ke bụng trên thang dóng 20s (lần)	3	60
7	Di chuyển ngang sân đơn năng vợt phải, trái 20s (lần)	3	60
8	Kép dây chun (kg)	3	60
9	Nhảy dây đơn 30s (lần)	3	60
10	Bật nhảy 1 chân 10 bước (m)	3	60
11	Di chuyển tiến lùi 10 vòng trong sân cầu (s)	3	60
12	Di chuyển tiến lùi theo đường thẳng 7 lần (s)	3	60
13	Di chuyển 4 góc sân 5 lần (s)	2	40
14	Co tay xà đơn cánh tay và cẳng tay vuông góc (s)	2	40
15	Lực bóp tay thuận (kg)	2	40
16	Lực kéo lưng (kg)	2	40
17	Lực đạp chân tối đa (kg)	2	40
18	Đạp cầu dọc biên (quả)	1	20
19	Chém cầu góc nhỏ (quả)	1	20

Kết quả 3.3 cho thấy, số lượng các test được sử dụng trong thực tiễn đánh giá sức mạnh cho sinh viên cầu lông có tổng 19 Test, nhưng được các đơn vị sử dụng khác nhau. Có đơn vị sử dụng nhiều, có đơn vị lại sử dụng ít trong quá trình kiểm tra sức mạnh cho sinh viên cầu lông.

Kết quả nghiên cứu phỏng vấn lựa chọn test

Để xác định được các test sức mạnh cho sinh viên cầu lông nam đạt kết quả cao dựa trên cơ sở đặc thù môn cầu lông, chương trình giảng dạy môn cầu lông, vì vậy các test phải đảm bảo những yêu cầu sau:

- Các test phải có tính thông báo và độ tin cậy.
- Các test phải dễ dàng tổ chức kiểm tra.
- Các test phải có đơn vị đo phù hợp.

Sau khi thu thập được 19 test, chúng tôi tiến hành phỏng vấn các nhà chuyên môn về mức độ phù hợp của các test, với số phiếu phỏng vấn phát ra là 28, thu về 26. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 3.4.

Bảng 3.4. kết quả phỏng vấn lựa chọn test sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam (n=26)

TT	Mức độ quan trọng Test	Kết quả					
		Rất quan trọng		Quan trọng		K. quan trọng	
		n	%	n	%	n	%
1	Ném quả cầu lông (m)	25	96.15	1	3.85	0	0
2	Co tay xà đơn tối đa (lần)	19	73.08	7	26.92	0	0
3	Nằm sấp chống đẩy 40s (lần)	21	80.77	5	19.23	0	0
4	Bật xa tại chỗ (cm)	19	73.08	7	26.92	0	0
5	Bật cao tại chỗ với bảng 1 tay (m)	19	73.08	7	26.92	0	0
6	Treo ke bụng trên thang dóng 20s (lần)	17	65.38	8	30.77	1	3.85
7	Di chuyển ngang sân đơn năng vợt phải, trái 20s (lần)	17	65.38	8	30.77	1	3.85
8	Kép dây chun (kg)	16	61.54	8	30.77	2	7.69
9	Nhảy dây đơn 30s (lần)	15	57.69	9	34.62	2	7.69
10	Bật nhảy 1 chân 10 bước (m)	15	57.69	8	30.77	3	11.54
11	Di chuyển tiến lùi 10 vòng trong sân cầu (s)	13	50	8	30.77	5	19.23
12	Di chuyển tiến lùi theo đường thẳng 7 lần (s)	12	46.15	7	26.92	7	26.92

13	Di chuyển 4 góc sân 5 lần (s)	10	38.46	10	38.46	6	23.08
14	Co tay xà đơn cánh tay và căng tay vuông góc (s)	9	34.62	11	42.31	6	23.08
15	Lực bóp tay thuận (kg)	7	26.92	7	26.92	12	46.15
16	Lực kéo lưng (kg)	6	23.08	7	26.92	13	50
17	Lực đạp chân tối đa (kg)	5	19.23	8	30.77	13	50
18	Đạp cầu dọc biên (quả)	2	7.69	8	30.77	16	61.54
19	Chém cầu góc nhỏ (quả)	2	7.69	8	30.77	16	61.54

Chúng tôi quy định chỉ những test có số phiếu tán thành ở mức rất quan trọng từ 70% trở lên mới lựa chọn.

Qua kết quả của bảng 3.4 cho thấy, có 5 test có số phiếu tán thành ở mức rất quan trọng chiếm tỷ lệ 73.08% trở lên được chúng tôi lựa chọn để kiểm tra sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam, gồm các test:

- Ném quả cầu lông (m)
- Co tay xà đơn tối đa (lần)
- Nằm sấp chống đẩy 40s (lần)
- Bật xa tại chỗ (cm)
- Bật cao tại chỗ với bảng 1 tay (m)

Cách thức tiến hành lập test cụ thể của từng test được chúng tôi trình bày tại chương II mục 2.1.2.

Sau khi lựa chọn được 5 test kiểm tra thông qua phỏng vấn để đảm bảo tính khoa học của các test trước khi đưa ra ứng dụng vào thực tế, chúng tôi đã kiểm tra trên đối tượng là các sinh viên chuyên sâu cầu lông nam năm thứ 2 và thứ 3 của hai trường ĐH sư phạm 1 và ĐH sư phạm TĐTT Hà Nội. Kết quả kiểm tra là cơ sở để xác định mẫu nghiên cứu và xác định tính thông báo và độ tin cậy của cá test bước đầu được lựa chọn.

Tuy đã được lựa chọn qua phỏng vấn nhưng các test trên đều chưa được xác định độ tin cậy và tính thông báo nên chúng tôi tiếp tục tiến hành nghiên cứu ở các bước tiếp theo.

3.2.3. Nghiên cứu xác định tính thông báo và độ tin cậy của các test.

Trước khi xác định độ tin cậy và tính thông báo của các test kiểm tra đề tài kiểm chứng tính chất đồng đều của mẫu nghiên cứu. Kết quả được trình bày ở bảng 3.5

Bảng 3.5. Kết quả xác định mức độ đồng đều sức mạnh của tập mẫu của nam sinh viên chuyên sâu cầu lông.

STT	Test	Năm thứ 3 (n=22)		Năm thứ 2 (n=22)	
		$\bar{x} \pm \delta$	Cv (%)	$\bar{x} \pm \delta$	Cv (%)
1	Ném quả cầu lông (m)	8.01±0.37	4.6	7.25±0.35	4.8
2	Co tay xà đơn tối đa (lần)	12.625±1.08	8.55	11.44±0.89	7.78
3	Nằm sấp chống đẩy 40s (lần)	31.625±3.01	9.52	28.62±2.57	9.21
4	Bật xa tại chỗ (cm)	2.15±0.14	6.5	1.72±0.11	6.4
5	Bật cao tại chỗ với bảng 1 tay (m)	54.77±4.84	8.8	52.86±4.89	9.2

Qua bảng 3.5 cho ta thấy ở cả 2 hai năm thứ 2 và thứ 3 đều có $cv=4.6\%$ đến $9.52\% < 10\%$. Vì vậy mẫu nghiên cứu đảm bảo tính đồng đều cho phép sử dụng.

**Xác định tính thông báo của test*

Để đảm bảo tính khoa học khi đưa các test vào ứng dụng chúng tôi tiến hành xác định môi tương quang thứ bậc giữa 5 test kiểm tra (đã được lựa chọn qua phỏng vấn) với thành tích thi đấu của các sinh viên chuyên sâu cầu lông nam năm thứ 02 hai và thứ 03.

Kết quả được trình bày tại bảng 3.6 và bảng 3.7 trong đó bảng 3.6 giới thiệu kết quả lập test và bảng 3.7 là mối tương quan giữa các kết quả lập test với thành tích thi đấu của các sinh viên thông qua hệ số tương quan thứ bậc.

Bảng 3.6. Kết quả các nội dung kiểm tra SM của sinh viên chuyên sâu cầu lông nam năm thứ 2 và thứ 3

STT	Test	Kết quả kiểm tra ($\bar{x} \pm \bar{\sigma}$)	
		Năm thứ 3 (n=22)	Năm thứ 2 (n=22)
1	Ném quả cầu lông (m)	8.01 \pm 0.37	7.25 \pm 0.35
2	Co tay xà đơn tối đa (lần)	12.625 \pm 1.08	11.44 \pm 0.89
3	Nằm sấp chống đẩy 40s (lần)	31.625 \pm 3.01	28.62 \pm 2.57
4	Bật xa tại chỗ (cm)	2.15 \pm 0.14	1.72 \pm 0.11
5	Bật cao tại chỗ với bảng 1 tay (m)	54.77 \pm 4.84	52.86 \pm 4.89

Bảng 3.7. Hệ số tương quan của các nội dung kiểm tra với thành tích thi đấu của sinh viên chuyên sâu cầu lông nam năm thứ 2 và thứ 3

STT	Test	Năm thứ 2 (n=22)	Năm thứ 3 (n=22)	p
		r	r	
1	Ném quả cầu lông (m)	0.81	0.82	<0.05
2	Co tay xà đơn tối đa (lần)	0.82	0.79	<0.05
3	Nằm sấp chống đẩy 40s (lần)	0.73	0.76	<0.05
4	Bật xa tại chỗ (cm)	0.66	0.71	<0.05
5	Bật cao tại chỗ với bảng 1 tay (m)	0.65	0.62	<0.05

Kết quả bảng 3.6 và 3.7 cho thấy cả 5 test kiểm tra có mối tương quan mạnh với thành tích thi đấu ở cả sinh viên nam năm thứ 2 và thứ 3.

- Năm thứ 2 có $r_{\text{tính}}=0.65$ đến $0.82 > 0.6$ và lớn hơn $r_{\text{bảng}}=0.4227$ với $p<0.05$. Vậy chúng đảm bảo tính thông báo.

- Năm thứ 3 có $r_{\text{tính}}=0.62$ đến $0.82 > 0.6$ và lớn hơn $r_{\text{bảng}}=0.4683$ với $p<0.05$. Vậy chúng đảm bảo tính thông báo.

** Xác định độ tin cậy của các test*

Sau khi xác định được test SM đảm bảo tính thông báo đề tài tiếp tục xác định độ tin cậy của chúng bằng phương pháp test lặp lại cho các sinh viên. Phương pháp và điều kiện lập test như nhau ở cả 2 lần lập test. Thời gian thực hiện test lặp lại được tiến hành trong cùng một buổi nhưng đảm bảo sao cho ở lần lập test thứ hai người được kiểm tra phục hồi hoàn toàn. Độ tin cậy được xác định bằng phương pháp tính hệ số tương quan giữa kết quả 2 lần lập test của 5 test. Kết quả được trình bày tại bảng 3.8

Bảng 3.8. Hệ số tương quan qua 2 lần lập test của sinh viên chuyên sâu cầu lông nam năm thứ 2 và thứ 3

STT	Test	Năm thứ 2 (n=22)	Năm thứ 3 (n=22)	p
		r	r	
1	Ném quả cầu lông (m)	0.93	0.89	<0.05
2	Co tay xà đơn tối đa (lần)	0.92	0.89	<0.05
3	Nằm sấp chống đẩy 40s (lần)	0.83	0.85	<0.05
4	Bật xa tại chỗ (cm)	0.86	0.88	<0.05
5	Bật cao tại chỗ với bảng 1 tay (m)	0.83	0.81	<0.05

Kết quả bảng 3.8 cho thấy cả 5 test kiểm tra đều có mối tương quan mạnh giữa hai lần kiểm tra.

- Năm thứ 2 có $r_{tính}=0.83$ đến $0.93 > 0.8$ và lớn hơn $r_{bảng}=0.4227$ với $p<0.05$. Vậy chúng đảm bảo tính thông báo.

- Năm thứ 3 có $r_{tính}=0.81$ đến $0.89 > 0.8$ và lớn hơn $r_{bảng}=0.4683$ với $p<0.05$. Vậy chúng đảm độ tin cậy của test.

Từ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc lựa chọn các tiêu chí đánh giá sức mạnh cho sinh viên nam chuyên sâu cầu lông Trường ĐHSP TDTT Hà Nội, thông qua việc phỏng vấn và xác định hệ số tương quan của các chỉ tiêu đã lựa chọn ở đối tượng nghiên cứu cho thấy tất cả các test đ- ợc lựa chọn đều có mối t- ơng quan với thành tích thi đấu.

Như vậy qua 4 bước đặc biệt là hai bước xác định tính thông báo và độ tin cậy của các test đề tài đã xác định được 5 test đủ phẩm chất để kiểm tra SM cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam năm thứ 2 và thứ 3 trường ĐH sư phạm TĐTT Hà Nội, bao gồm:

- Ném quả cầu lông (m)
- Co tay xà đơn tối đa (lần)
- Nằm sấp chống đẩy 40s (lần)
- Bật xa tại chỗ (cm)
- Bật cao tại chỗ với bảng 1 tay (m)

Sau khi xác định được tính thông báo và độ tin cậy của các test trên đối tượng nghiên cứu, chúng tôi tiến hành xây dựng tiêu chuẩn phân loại đánh giá cho các test dựa vào kết quả lần lập test thứ nhất.

3.3. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá SM cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam năm thứ 2 và thứ 3.

Để xây dựng tiêu chuẩn phân loại sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam trường ĐHSP TĐTT Hà Nội, đề tài dựa trên kết quả nghiên cứu của mục 3.2 đã xây dựng được hệ thống các test đánh giá trình độ sức mạnh, bao gồm 5 test đánh giá. Từ cơ sở lý luận trên đề tài tiến hành xây dựng tiêu chuẩn phân loại sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam năm thứ 2 và năm thứ 3 theo từng test

Tiêu chuẩn đánh giá sức mạnh của sinh viên năm thứ 2 và thứ 3 được so sánh ở bảng 3.9

Bảng 3.9. So sánh tiêu chuẩn đánh giá sức mạnh giữa 2 năm của nam sinh viên chuyên sâu cầu lông.

T T	Test	Kết quả kiểm tra ($\bar{x} \pm \delta$)		t	P
		Năm thứ 3 (n = 22)	Năm thứ 2 (n=22)		
1	Ném quả cầu lông (m)	8.01±0.37	7.25±0.35	2.149	<0.05
2	Co tay xà đơn tối đa (lần)	12.625±1.08	11.44±0.89	2.016	<0.05
3	Nằm sấp chống đẩy 40s (lần)	31.625±3.01	28.62±2.57	8.185	<0.05
4	Bật xa tại chỗ (cm)	2.15±0.14	1.72±0.11	2.107	<0.05
5	Bật cao tại chỗ với bảng 1 tay (m)	54.77±4.84	52.86±4.89	2.46	<0.05

3.3.1. Xây dựng bảng phân loại sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông năm thứ 2 và năm thứ 3 theo từng test

Nhằm mục đích xây dựng tiêu chuẩn đánh giá sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam một cách thuận lợi cho việc sử dụng thực tiễn. Đề tài đã tiến hành xây dựng các tiêu chuẩn theo 3 hình thức sau:

- Xây dựng tiêu chuẩn phân loại SM cho sinh viên ở từng test;
- Xây dựng bảng điểm đánh giá SM cho sinh viên ở từng test;
- Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp SM cho sinh viên.

Sau khi xác định được 5 test chúng tôi tiến hành xây dựng tiêu chuẩn đánh giá ở từng test đã lựa chọn trên kết quả lập test thứ nhất.

Để phân loại SM trên cơ sở đã được xác định, đề tài sử dụng quy tắc 2δ , kết quả được tiến hành như sau:

- Giỏi $> \bar{x} + 2\delta$
- Khá từ $> \bar{x} + \delta$ đến $\bar{x} + 2\delta$
- Trung bình từ \bar{x} đến $\bar{x} + \delta$
- Yếu từ $\bar{x} - \delta$ đến $< \bar{x}$
- Kém $< \bar{x} - \delta$

Kết quả cụ thể được trình bày tại bảng 3.10 và 3.11.

Bảng 3.10. Tiêu chuẩn phân loại sức mạnh của nam sinh viên chuyên sâu cầu lông năm thứ 3

tt	Test	Phân loại				
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi
1	Ném quả cầu lông (m)	<7.27	7.27-7.63	7.64-8.38	8.39-8.74	>8.74
2	Co tay xà đơn tối đa (lần)	<11.55	11.55-12.62	12.63-13.71	13.72-14.79	>14.79
3	Nằm sấp chống đẩy 40s (lần)	<28.62	28.62-31.62	31.63-34.64	34.65-37.65	>37.65
4	Bật xa tại chỗ (cm)	<207.77	207.77-225.04	225.05-242.33	242.34-259.61	>259.61
5	Bật cao tại chỗ với bảng 1 tay (m)	<51.93	51.93-57.66	53.65-55.65	57.67-59.67	>59.67

Bảng 3.11. Tiêu chuẩn phân loại sức mạnh của nam sinh viên chuyên sâu cầu lông năm thứ 2

tt	Test	Phân loại				
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi
1	Ném quả cầu lông (m)	<6.55	6.55-6.8	6.9-7.6	7.7-7.94	>94
2	Co tay xà đơn tối đa (lần)	<10.55	10.55-11.43	11.44-12.33	12.34-13.22	>13.22
3	Nằm sấp chống đẩy 40s (lần)	<21.75	21.75-24.61	24.62-27.49	27.50-30.36	>30.36
4	Bật xa tại chỗ (cm)	<181.43	181.43-99.45	199.46-217.49	217.50-235.52	>235.52
5	Bật cao tại chỗ với bảng 1 tay (m)	<49.93	49.93-51.93	51.94-53.94	53.95-55.95	>55.95

Qua bảng 3.10 và 3.11 giúp ta thuận tiện trong việc sử dụng để xếp loại SM cho sinh viên chuyên sâu cầu lông theo từng test.

Để xếp loại kết quả lập test của sinh viên nào đó người kiểm tra phải tuân thủ các quy trình sau:

Bước 1: Xác định giới tính của đối tượng nghiên cứu

Bước 2: Xác định giá trị loại test của đối tượng nghiên cứu

Bước 3: Căn cứ các bảng phân loại tương ứng để đánh giá.

Sử dụng kết quả phân loại theo 5 mức độ cho phép người kiểm tra đánh giá được SM cho sinh viên theo từng test riêng biệt mà không nhất thiết phải tiến hành kiểm tra tổng thể tất cả các test của hệ thống test đề xuất.

3.3.2. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp SM cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam năm thứ 2 và năm thứ 3 trường ĐH sư phạm TDTT Hà Nội.

* Xây dựng bảng đánh giá SM theo thang điểm 10 cho sinh viên cầu lông nam năm thứ 2 và năm thứ 3 theo từng test.

Các bảng xếp loại SM (mục 3.3.1), cho phép đánh giá từng chỉ tiêu cụ thể, nhưng khi đánh giá tổng hợp thì còn hạn chế vì các test có đơn vị đo lường khác nhau. Chính điều đó dẫn tới việc đánh giá còn phiến diện không phản ánh hết được năng lực của sinh viên, như vậy kết luận sẽ thiếu chính xác. Vì vậy cần có hệ thống đánh giá tổng hợp SM cho sinh viên. Trước hết phải đưa kết quả lập test về một tiêu chuẩn đo lường. Như đã trình bày tại 1.5.2 phần I của đề tài, chúng tôi sử dụng thang độ C để quy kết quả lập test về thang điểm 10. Kết quả được trình bày tại các bảng 3.12 và 3.13.

Bảng 3.12. Bảng đánh giá sức mạnh của nam sinh viên chuyên sâu cầu lông năm thứ 3

tt	Test	Điểm									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Ném quả cầu lông (m)	7.27	7.47	7.63	7.82	8.01	8.21	8.37	8.56	8.74	8.94
2	Co tay xà đơn tối đa (lần)	10.46	11.01	11.55	12.09	12.63	13.18	13.72	14.25	14.80	15.33
3	Nằm sấp chống đẩy 40s (lần)	25.61	27.12	28.62	30.13	31.63	33.15	34.65	36.15	37.66	39.16
4	Bật xa tại chỗ (cm)	194.49	199.13	207.77	216.41	225.05	233.70	242.34	250.97	259.62	268.25
5	Bật cao tại chỗ với bảng 1 tay (m)	51.93	53.65	54.72	55.89	56.67	57.67	58.64	59.67	60.63	61.62

Bảng 3.13. Bảng đánh giá sức mạnh của nam sinh viên chuyên sâu cầu lông năm thứ 2

tt	Test	Điểm									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Ném quả cầu lông (m)	6.55	6.73	6.90	7.08	7.25	7.43	7.60	7.78	7.95	8.13
2	Co tay xà đơn tối đa (lần)	9.66	10.11	10.55	10.99	11.44	11.89	12.35	12.78	13.24	13.67
3	Nằm sấp chống đẩy 40s (lần)	18.88	20.32	21.75	23.19	24.62	26.06	27.51	28.93	30.38	31.80
4	Bật xa tại chỗ (cm)	163.40	172.42	181.43	190.45	199.46	208.48	217.51	226.51	235.54	244.54
5	Bật cao tại chỗ với bảng 1 tay (m)	48.93	49.91	49.96	51.95	52.94	53.15	54.95	55.95	56.95	57.95

Qua bảng 3.12 và bảng 3.13 cùng giúp chúng ta thuận tiện trong đánh giá SM cho sinh viên chuyên sâu cầu lông năm thứ 2 và 3 theo từng test thông qua điểm đạt được.

Để đánh giá SM cho sinh viên nào thì người kiểm tra cần phải tuân thủ theo quy trình sau:

Bước 1: Xác định giới tính của đối tượng kiểm tra;

Bước 2: Xác định giá trị lập test của đối tượng kiểm tra;

Bước 3: Căn cứ các bảng điểm tương ứng để xác định điểm đạt được theo từng test. Bằng các lấy cận trên hoặc cận dưới để xác định điểm, nghĩa là kết quả kiểm tra gần với giá trị tương ứng của điểm nào cao hơn thì đạt điểm đó.

Như vậy đánh giá bằng điểm theo từng test cho phép tính điểm từ 1 đến 10 cho sinh viên ở bất kỳ nội dung nào và giả quyết được mâu thuẫn về đơn vị đo giữa các test, từ đó phục vụ cho việc đánh giá SM của sinh viên chuyên sâu cầu lông trong thực tiễn thuận lợi.

* Xây dựng bảng đánh giá tổng hợp SM cho sinh viên chuyên sâu cầu lông trường ĐH sư phạm TDTT Hà Nội.

Từ kết quả nghiên cứu ở các phần trên cho thấy đánh giá SM của sinh viên chuyên sâu cầu lông trường ĐH sư phạm TDTT Hà Nội có 5 test đánh giá. Giá trị tối đa của mỗi test là 10 điểm nên tổng điểm đạt được tối đa cả sinh viên ở 5 test là 50 điểm, mà đánh giá tổng hợp theo 5 mức độ: Tốt, khá, trung bình, yếu và kém, như vậy mỗi thang đnahs giá cách nhau 10 điểm. Trên cơ sở đó, chúng ta có tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp SM của sinh viên chuyên sâu cầu lông trường ĐH sư phạm TDTT Hà Nội trình bày tại bảng 3.14.

Bảng 3.14. Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp SM của sinh viên chuyên sâu cầu lông nam năm thứ 2 và 3 trường ĐH sư phạm TDTT Hà Nội

Phân loại tổng hợp	Năm thứ 2 (n=22)	Năm thứ 3 (n=22)
Giỏi	41 - 50 điểm	41 - 50 điểm
Khá	31 - 40 điểm	31 - 40 điểm
Trung bình	21 - 30 điểm	21 - 30 điểm
Yếu	11 - 20 điểm	11 - 20 điểm
Kém	1 - 10 điểm	1 - 10 điểm

Tuy nhiên, để đạt được tổng điểm cuối cùng, không nhất thiết phải đạt được số điểm như ở từng chỉ tiêu của từng test - nghĩa là có thể lấy điểm đạt được của test này bù cho test khác, miễn là tổng điểm đạt được phải nằm trong khoảng xác định của các chỉ tiêu.

Trong đánh giá (60 – 70%) là điểm trung bình chung của 5 test kiểm tra nêu trên. Việc để điểm lẻ hay làm tròn số là do quy định của mỗi trường.

Cách thức tiến hành đánh giá kết quả cho sinh viên chuyên sâu Cầu lông nam trường ĐHSPT TDTT Hà Nội .

Việc đánh giá kết quả cho sinh viên chuyên sâu Cầu lông nam trường ĐHSPT TDTT Hà Nội được tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Xác định các số liệu về các test, từ đó xác định điểm của từng test (qua tra bảng điểm tổng hợp 3.10, bảng 3.11, bảng 3.12 và bảng 3.13).

Bước 2: Xác định tổng điểm đạt được của VĐV ở 5 test, và xếp loại như trình bày ở bảng 3.14.

Thực tiễn trên chứng minh rằng không phải sinh viên đã có năng lực tốt ở nội dung này cũng tốt ở nội dung khác mà thông thường có những chỉ tiêu rất giỏi, song có nội dung lại yếu hơn. Điều đó phụ thuộc vào quá trình giảng dạy và huấn luyện. Vì vậy việc đánh giá tổng hợp SM cho sinh viên tỏ ra phù hợp hơn cả.

Xác định mối tương quan đó bằng xếp hạng giữa kết quả tổng hợp (tổng điểm ở 5 test của sinh viên) với thành tích thi đấu cho thấy $r_{\text{năm2}} = 0.67 > r_{\text{bảng}} = 0.4227$ với $p < 0.05$, $r_{\text{năm3}} = 0.61 > r_{\text{bảng}} = 0.4683$. Vậy tiêu chuẩn tổng hợp đánh giá SM cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam năm thứ 2 và 3 trường ĐH sư phạm TĐTT Hà Nội là phù hợp, cho phép sử dụng được.

3.4. Ứng dụng tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp trong đánh giá thực trạng sức mạnh cho sinh viên chuyên sâu cầu lông năm thứ 2 và thứ 3 của trường ĐH sư phạm TĐTT Hà Nội.

Trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá SM cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam của trường ĐH sư phạm TĐTT Hà Nội đã xây dựng được, chúng tôi đã đối chiếu kết quả kiểm tra SM của các sinh viên chuyên sâu cầu lông của trường của các đơn vị: Trường ĐH Sư phạm 1, ĐH sư phạm 2, nhằm đánh giá thực trạng SM của sinh viên ở các đơn vị, đồng thời xác định tính phù hợp của tiêu chuẩn mới xây dựng được. Kết quả được thể hiện tại bảng 3.15; 3.16 và 3.17.

Bảng 3.15. Bảng phân loại tổng hợp SM của sinh viên cầu lông nam trường ĐH sư phạm TĐTT Hà Nội

Phân loại điểm tổng hợp	Năm thứ 2 (n=22)		Năm thứ 3 (n=22)	
	m_i	%	m_i	%
Giỏi	1	9.10	1	10.00
Khá	6	54.55	5	50.00
Trung bình	4	36.36	4	40.00
Yếu	0	0	0	0
Kém	0	0	0	0

Kết quả bảng 3.15 cho thấy, sức mạnh của sinh viên chuyên sâu cầu lông trường ĐH sư phạm TĐTT Hà Nội tập chung chủ yếu ở loại khá, không có sinh viên loại yếu và kém.

Bảng 3.16. Bảng phân loại tổng hợp SM của sinh viên cầu lông nam trường ĐH sư phạm Hà Nội

Phân loại điểm tổng hợp	Năm thứ 2 (n=22)		Năm thứ 3 (n=22)	
	m_i	%	m_i	%
Giỏi	1	0	0	0
Khá	6	40.00	3	30.00
Trung bình	4	60.00	6	60.00
Yếu	0	0	1	10.00
Kém	0	0	0	0

Kết quả ở bảng 3.16 cho thấy, sức mạnh của các sinh viên chuyên sâu cầu lông nam trường ĐH sư phạm Hà Nội tập chung chủ yếu ở mức độ Trung bình.

Bảng 3.17. Bảng phân loại tổng hợp SM của sinh viên cầu lông nam trường ĐH sư phạm Hà Nội 2

Phân loại điểm tổng hợp	Năm thứ 2 (n=22)		Năm thứ 3 (n=22)	
	m_i	%	m_i	%
Giỏi	0	0	1	16.70
Khá	3	37.5	2	33.3
Trung bình	4	50	2	33.3
Yếu	1	12.5	1	16.7
Kém	0	0	0	0

Kết quả bảng 3.17 cho thấy, sức mạnh của sinh viên cầu lông nam trường đại học sư phạm hà nội 2 chủ yếu tập trung ở loại trung bình, trong đó có 12% ở năm thứ 2 và 16,7% ở năm thứ 3 xếp loại yếu.

Qua bảng 3.15; 3.16 và 3.17 cho thấy, sức mạnh của nang sinh viên chuyên sâu cầu lông trường ĐHSP TĐTT Hà Nội tốt hơn so với mặt bằng chung.

Tóm lại: Trong quá trình kiểm nghiệm trong thực tiễn các test và tiêu chuẩn đánh giá sm đã khẳng định tính phù hợp của chúng. Tổng điểm đánh giá phân loại SM và thành tích thi đấu có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Tổng điểm về sức mạnh càng cao thì thành tích thi đấu càng nổi trội và ngược lại tổng điểm về sức mạnh càng kém thì thành tích thi đấu càng kém.

Thành tích thi đấu của đối tượng nghiên cứu được xác định thông qua giải cầu lông truyền thống và giải cầu lông nghiệp vụ sư phạm hàng năm của nhà trường.

Kết quả kiểm tra ở trên lại một lần nữa khẳng định tính đúng đắn và hiệu quả của các chỉ tiêu, tiêu chuẩn đánh giá sức mạnh cho sinh viên nam chuyên sâu cầu lông Trường ĐHSP TDTT Hà Nội thông qua hệ thống test nghiên cứu ứng dụng mà Đề tài xây dựng.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Từ các kết quả nghiên cứu ở trên đề tài đi đến kết luận sau:

1. Đề tài xác định được 5 test đánh giá SM cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam trường ĐH sư phạm TĐTT Hà Nội:

- Ném quả cầu lông (m)
- Co tay xà đơn tối đa (lần)
- Nằm sấp chống đẩy 40s (lần)
- Bật xa tại chỗ (cm)
- Bật cao tại chỗ với bảng 1 tay (m)

2. Đề tài xây dựng được 02 bảng tiêu chuẩn phân loại SM; 02 bảng điểm theo thang điểm 10 ở từng test và 01 bảng đánh giá tổng hợp SM cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam trường ĐH sư phạm TĐTT Hà Nội.

3. Tiêu chuẩn phân loại tổng hợp SM cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam trường ĐH sư phạm TĐTT Hà Nội mà đề tài xây dựng được là hoàn toàn phù hợp. Điều này được thể hiện thông qua mối tương quan mạnh với thành tích thi đấu và kết quả kiểm chứng trong đánh giá thực trạng SM ở các đơn vị.

2. Kiến nghị

Từ những kết quả nghiên cứu của đề tài cho phép chúng tôi đi đến một số kiến nghị sau:

1. Các đơn vị cần ứng dụng hệ thống test và tiêu chuẩn đánh giá SM cho sinh viên chuyên sâu cầu lông nam trường ĐH sư phạm TĐTT Hà Nội.

2. Kết quả nghiên cứu có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, các giáo viên, huấn luyện viên Cầu lông trong quá trình giảng dạy và huấn luyện nhằm nâng cao kết quả môn học này

3. Đề nghị nhà trường tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các nội dung và tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập thực hành cho sinh viên chuyên sâu Cầu lông để phục vụ tốt nhất cho công tác giảng dạy và huấn luyện.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aulic I.V (1982), *Đánh giá trình độ tập luyện thể thao*, NXB TDTT, Hà Nội.
2. Ban Bí th- TW Đảng(1970), *Chỉ thị 180/CT - TW ngày 26/8/1970 của Ban Bí th- TW Đảng về tăng c- ờng công tác TDTT trong những năm tới*, Ban Bí th- TW Đảng.
3. Ban Bí th- TW Đảng, *Chỉ thị 36/CT - TW ngày 24/3/1994 của Ban Bí th- TW Đảng về tăng c- ờng công tác TDTT trong giai đoạn mới (5 trang)*. Ban Bí th- TW Đảng.
4. Bộ GD và ĐT(2006), *Quy chế đào tạo Đại học và cao đẳng hệ chính quy Bộ GD và ĐT số 25/2006/QĐ*, BGDĐT.
5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tr- ờng đại học TDTT Bắc Ninh (2009), *Lịch sử Thể dục Thể thao*, NXB TDTT, Hà Nội
6. Lê Bửu, Nguyễn Thế Truyền (1991), *Lý luận và ph- ơng pháp thể thao trẻ*, NXB TDTT, Hà Nội.
7. Trần Giai Ca (2007), *Hướng dẫn tập luyện kỹ chiến thuật cầu lông*, NXB TDTT, Hà Nội.
8. D- ơng Nghiệp Chí (1991), *Đo l- ờng thể thao*, NXB TDTT, Hà Nội.
9. Chỉ thị số 30/1998G-TTg ngày 1/9/1998 của Chính phủ quy định về việc điều chỉnh chủ tr- ơng phân ở Phổ thông trung học và Đại học
10. Nguyễn Ngọc Cừ, Lê Quý Ph- ơng (1996), *Y học thể thao*, Viện KHTDTT, Hà Nội.
11. Daxiorxky.V.M (1978), *Các tố chất thể lực của VĐV*, NXB TDTT, Hà Nội.
12. Gunalan, D.P (2001), *Tài liệu h- ớng dẫn huấn luyện viên cầu lông*.
13. Giáo trình cầu lông, *Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội*, NXB TDTT Hà Nội (2008).
14. Harre.D (1985), *Học thuyết huấn luyện*, NXB TDTT, Hà Nội.
15. L- u Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên (1995), *Sinh lý học thể dục thể thao*, NXB TDTT, Hà Nội.
16. Trịnh Trung Hiếu (1994), *Huấn luyện thể thao*, NXB TDTT, Hà Nội.
17. Hultmal và cộng sự (1998), *Sinh lý vận động*, NXB TDTT, Hà Nội.

18. Ivanôp. V.X (1996), *Những cơ sở của toán học thống kê*, dịch: Trần Đức Dũng, NXB TĐTT, Hà Nội.
19. Kôd-lôp.M.E (1985), *Những vấn đề lý luận chung về các môn bóng*, NXB TĐTT, Hà Nội.
20. Lê Văn Lãm, Nguyễn Xuân Sinh, Phạm Ngọc Viễn, L- u Quang Hiệp (1999), *Giáo trình ph-ong pháp nghiên cứu khoa học TĐTT*, NXB TĐTT, Hà Nội.
21. Matveep.L.P (1964), *Những vấn đề phân chia thời kỳ tập luyện thể thao*, NXB TĐTT, Hà Nội.
22. Matveep.L.P, MolchinhiKolop.K.G (1988), “*Về các quy luật b-óc đầu chuyên môn hóa thể thao*”, *Thông tin KHKT TĐTT*.
23. M.C Keedulap, dịch: Đức Kim (1962), *Những vấn đề lý luận chung về các môn bóng*, NXB Hà Nội.
24. Phan Hồng Minh (1999), “*Một số vấn đề về thể thao hiện đại*”, *Thông tin KHKT TĐTT*, (6).
25. Nôvicôp.A.D, Matvêep.L.P (1983), *Lý luận và ph-ong pháp giáo dục thể chất, 1*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
26. Nghị định số 15/CP ngày 2/3/1993 của Chính Phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà n-óc của Bộ, cơ quan ngang Bộ.
27. Nghị định số 29/CP ngày 30/3/1994 của Chính Phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ GD&ĐT.
28. Philin.V.P (Nguyễn Quang Hưng dịch) (1996), *Lý luận và ph-ong pháp thể thao trẻ*, NXB TĐTT, Hà Nội.
29. Diên Phong (1999), *130 câu hỏi và trả lời về huấn luyện thể thao hiện đại*, NXB TĐTT, Hà Nội.
30. Lê Quý Phương, Đoàn Khắc Hiếu, Phan Tuyết Hằng (1991), “*Phương pháp đánh giá l-ong vận động của VĐV nhờ các chỉ số của hệ tim mạch và prôtein niệu*”, *Tuyển tập nghiên cứu KHTĐTT*.
31. Quốc hội n-óc CHXN CNVN, *Hiến pháp n-óc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam(1992) Ch-ong III điều 35,36,41 : Quy định về dạy học Thể dục thể thao trong tr-ờng học*, Quốc hội n-óc CHXN CNVN

32. Quyết định số 203/QĐ-BGD&ĐT/1989 ngày 23 tháng 1 năm 1989 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá chất lượng GDTC cho sinh viên.
33. Quyết định số 04/QĐ- BGD&ĐT ngày 11 tháng 2 năm 1999 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
34. Rudich.P.A (1980), *Tâm lý học*, NXB TĐTT, Hà Nội.
35. Lê Thanh Sang (2005), *Tập đánh cầu lông*, NXB TĐTT, Hà Nội.
36. Tổng cục TĐTT - Trường ĐH TĐTT Bắc Ninh (2008), *kế hoạch huấn luyện đội dự tuyển trẻ cầu lông Việt Nam*.
37. Đào Chí Thành (2007), *Huấn luyện chiến thuật thi đấu cầu lông*, NXB TĐTT, Hà Nội.
38. Trịnh Hùng Thanh (1999), *Đặc điểm sinh lý các môn thể thao*, NXB TĐTT, Hà Nội.
39. Trịnh Hùng Thanh, Lê Nguyệt Nga (1992), *Cơ sở sinh học và sự phát triển năng khiếu thể thao*, NXB TĐTT, Hà Nội.
40. Thủ tướng Chính phủ, *Chỉ thị 133/TTG ngày 7/3/1995 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng quy hoạch phát triển ngành Thể dục thể thao*, Thủ tướng Chính phủ
41. Tony Grice. EdD, Nhân Văn (biên dịch), *Luyện tập cầu lông từng bước để thành công*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh (2005).
42. Vũ Đức Thu, Đinh Mạnh Cường, Hồ Đức Cường (2006), *Giáo dục thể chất và phương pháp dạy học tiểu học*, NXB GD, Hà Nội.
43. Nguyễn Toán (1998), *Cơ sở lý luận và phương pháp đào tạo VĐV*, NXB TĐTT, Hà Nội.
44. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tấn (1993), *Lý luận và phương pháp TĐTT*, NXB TĐTT, Hà Nội.
45. Nguyễn Đức Văn (1987), *Phương pháp thống kê trong TĐTT*, NXB TĐTT, Hà Nội.
46. Phạm Ngọc Viễn (1991), *Tâm lý học TĐTT*, NXB TĐTT, Hà Nội.
47. Trần Văn Vinh - Đào Chí Thành (1998), *Cầu lông*. NXB TĐTT, Hà Nội.
48. Trần Văn Vinh - Đào Chí Thành (2000), “Nghiên cứu xây dựng các nội dung và chỉ tiêu đánh giá kết quả học tập thực hành môn cầu lông cho sinh viên Trường Đại học TĐTT I”, *Đề tài khoa học cấp trường*.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. PHIẾU ĐIỀU TRA

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT BẮC NINH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ngày.....tháng.....năm 201...

PHIẾU ĐIỀU TRA VIỆC SỬ DỤNG TEST SỨC MẠNH CHO NAM SINH VIÊN CHUYÊN SÂU CẦU LÔNG

Đơn vị:

TT	Test	Ghi chú

QUAN SÁT VIÊN

**PHỤ LỤC 2: PHIẾU PHỎNG VẤN LỰA CHỌN TEST SỨC MẠNH
CHO NAM SINH VIÊN CHUYÊN SÂU CẦU LÔNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI**

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT BẮC NINH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày.....tháng.....năm 201...

PHIẾU PHỎNG VẤN

Kính gửi: Ông (bà):.....tuổi.....

Công việc hiện nay:.....

Đơn vị công tác:.....

Trình độ văn hóa:.....Đẳng cấp VĐV:

Để giải quyết các vấn đề khoa học về kiểm tra và đánh giá sức mạnh cho nam sinh viên chuyên sâu cầu lông trường ĐHSPTDTT Hà Nội, chúng tôi rất mong nhận được sự giúp đỡ của ông (bà).

Vì vậy, bằng những hiểu biết và thực tế phong phú trong thi đấu, huấn luyện và giảng dạy của mình, kính nhờ ông (bà) trả lời giúp câu hỏi sau, bằng cách ghi vào ô vuông ý kiến đánh giá cho các test theo 3 mức ưu tiên:

+ Số 1: Rất quan trọng

+ Số 2: Quan trọng

+ Số 3: Không quan trọng

Nếu các nội dung của chúng tôi ở dưới đây còn thiếu, xin ông (bà) ghi bổ sung vào các dòng trống phía dưới và cho luôn ý kiến đánh giá.

Câu hỏi: Theo ông (bà) các chỉ tiêu dưới đây quan trọng như thế nào đối với việc kiểm tra đánh giá sức mạnh cho nam sinh viên chuyên sâu cầu lông trường ĐHSP TĐTT Hà Nội? Xin cho ý kiến đánh giá theo 3 mức ưu tiên (như ghi ở trên) cho từng test vào ô tương ứng ở cột bên trái.

Mức ưu tiên	Test
1	Ném quả cầu lông (m)
2	Co tay xà đơn tối đa (lần)
3	Nằm sấp chống đẩy 20s (lần)
4	Bật xa tại chỗ (cm)
5	Bật cao tại chỗ với bảng 1 tay (m)
6	Treo ke bụng trên thang dóng 20s (lần)
7	Di chuyển ngang sân đơn năng vợt phải, trái 20s (lần)
8	Kép dây chun (kg)
9	Nhảy dây đơn 30s (lần)
10	Bật nhảy 1 chân 10 bước (m)
11	Di chuyển tiến lùi 10 vòng trong sân cầu (s)
12	Di chuyển tiến lùi theo đường thẳng 7 lần (s)
13	Di chuyển 4 góc sân 5 lần (s)
14	Co tay xà đơn cánh tay và cẳng tay vuông góc (s)
15	Lực bóp tay thuận (kg)
16	Lực kéo lưng (kg)
17	Lực đạp chân tối đa (kg)
18	Đập cầu dọc biên (quả)
19	Chém cầu góc nhỏ (quả)

Xin trân trọng cảm ơn!

Bắc Ninh, ngàythángnăm 201...

NGƯỜI ĐƯỢC PHỎNG VẤN

NGƯỜI PHỎNG VẤN

(Ký tên)

(Ký tên)

Đình Thành Công

PHỤ LỤC 3: PHIẾU PHỎNG VẤN TÂM QUAN TRỌNG CỦA CÁC TỔ CHẤT THỂ LỰC TRONG MÔN CẦU LÔNG

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT BẮC NINH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày.....tháng.....năm 201...

PHIẾU PHỎNG VẤN

Kính gửi: Ông (bà):.....tuổi.....

Công việc hiện nay:.....

Đơn vị công tác:.....

Trình độ văn hóa:.....Đảng cấp VĐV:

Để giải quyết các vấn đề khoa học về kiểm tra và đánh giá sức mạnh cho nam sinh viên chuyên sâu cầu lông trường ĐHSPTDTT Hà Nội, chúng tôi rất mong nhận được sự giúp đỡ của ông (bà).

Vì vậy, bằng những hiểu biết và thực tế phong phú trong thi đấu, huấn luyện và giảng dạy của mình, kính nhờ ông (bà) trả lời giúp câu hỏi sau, bằng cách ghi vào ô vuông ý kiến đánh giá cho các test theo 3 mức ưu tiên: Rất quan trọng, quan trọng, không quan trọng

Nếu các nội dung của chúng tôi ở dưới đây còn thiếu, xin ông (bà) ghi bổ sung vào các dòng trống phía dưới và cho luôn ý kiến đánh giá.

Câu hỏi: Theo ông (bà) các tổ chất thể lực dưới đây quan trọng như thế nào đối với môn cầu lông? Xin cho ý kiến đánh giá theo 3 mức ưu tiên (như ghi ở trên) cho từng tổ chất. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng ở cột bên phải.

Tổ chất	Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng
Sức nhanh			
Sức mạnh			
Sức bền			
Mềm dẻo			
Khéo léo			

Xin trân trọng cảm ơn!

Bắc Ninh, ngàythángnăm 201...

NGƯỜI ĐƯỢC PHỎNG VẤN

(Ký tên)

NGƯỜI PHỎNG VẤN

(Ký tên)

Đinh Thành Công

